HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA THỔ NHĨ KỲ

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

VÀ

NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1

Đối tượng áp dụng

Hiệp định này áp dụng đối với các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

ĐIỀU 2

Các loại thuế bao gồm trong Hiệp định

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các khoản thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp chi trả sẽ được coi là các loại thuế đánh vào thu nhập.

3. Các loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

   (a) tại Việt Nam:

      (i) thuế thu nhập cá nhân; và

      (ii) thuế thu nhập doanh nghiệp;

      (sau đây gọi là "thuế Việt Nam");

   (b) tại Thổ Nhĩ Kỳ:

      (i) thuế thu nhập; và

      (ii) thuế công ty;

      (sau đây gọi là "thuế Thổ Nhĩ Kỳ").

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng đối với bất kỳ loại thuế nào có tính chất tương tự hoặc về cơ bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Nước.

ĐIỀU 3

Các định nghĩa chung

1. Vì mục đích của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

(a) thuật ngữ "Việt Nam" khi dùng theo nghĩa địa lý, có nghĩa là lãnh thổ đất liền, đảo, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên đó cũng như vùng biển ngoài lãnh hải bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà trên đó Việt Nam có quyền tài phán hoặc quyền chủ quyền hoặc chủ quyền trong việc thăm dò, khai thác hoặc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế;

(b) thuật ngữ "Thổ Nhĩ Kỳ" có nghĩa là lãnh thổ đất liền, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, cũng như vùng biển ngoài lãnh hải mà trên đó Thổ Nhĩ Kỳ có chủ quyền hoặc quyền tài phán trong việc thăm dò, khai thác và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên cho dù là tài nguyên thiên nhiên sinh vật hay phi sinh vật phù hợp với luật pháp quốc tế;

(c) thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt Nam hoặc Thổ Nhĩ Kỳ tuỳ ngữ cảnh đòi hỏi;

(d) thuật ngữ "đối tượng" bao gồm một cá nhân, một công ty và bất kỳ tổ chức của nhiều đối tượng nào khác;

(e) thuật ngữ "công ty" để chỉ bất kỳ tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

(f) thuật ngữ "doanh nghiệp của một Nước ký kết" và "doanh nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

(g) thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa là:

(i) tất cả các cá nhân mang quốc tịch của một Nước ký kết;

(ii) tất cả các pháp nhân, công ty hợp danh và hiệp hội có tư cách theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

(h) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất kỳ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay do doanh nghiệp của một Nước ký kết điều hành, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia; và

(i) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa là:

(i) trong trường hợp của Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng; và

(ii) trong trường hợp của Thổ Nhĩ Kỳ, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng.

2. Khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa tại Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa tại luật của Nước đó liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng vào thời điểm đó, bất kỳ nghĩa nào theo luật thuế được áp dụng của Nước đó sẽ có giá trị cao hơn nghĩa của thuật ngữ đó theo các luật khác của Nước đó, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

ĐIỀU 4

Đối tượng cư trú

1. Vì mục đích của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất kỳ đối tượng nào mà theo các luật của Nước đó là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, trụ sở đăng ký hoặc bất kỳ tiêu thức nào khác có tính chất tương tự, và cũng bao gồm cả Nước đó và bất kỳ chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào phải chịu thuế tại Nước đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Nước đó.

2. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1 khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

   (a) cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

   (b) nếu không thể xác định được Nước mà ở đó cá nhân đó có trung tâm của các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước ký kết mà cá nhân đó thường sống;

   (c) nếu cá nhân đó thường xuyên sống ở cả hai Nước hoặc không thường xuyên sống ở Nước nào, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

   (d) nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hoặc không mang quốc tịch của cả hai Nước này thì các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, khi đó đối tượng này sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước có trụ sở đăng ký của đối tượng đó.

ĐIỀU 5

Cơ sở thường trú

1. Vì mục đích của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

   (a) trụ sở điều hành;

   (b) chi nhánh;

   (c) văn phòng;

   (d) nhà máy;

   (e) xưởng;

   (f) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác; và

   (g) kho hàng liên quan đến một đối tượng cung cấp các phương tiện lưu kho cho những đối tượng khác.

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

   (a) một địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát có liên quan, nhưng chỉ khi địa điểm, công trình hoặc các hoạt động này kéo dài trong một giai đoạn hơn sáu tháng;

   (b) việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn, do một doanh nghiệp thực hiện thông qua những người làm công hoặc những đối tượng khác được doanh nghiệp giao thực hiện các hoạt động trên, nhưng chỉ khi các hoạt động mang tính chất nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hoặc một dự án có liên quan) tại một Nước trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn gộp lại hơn 6 tháng trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng.

4. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

(a) việc sử dụng các phương tiện chỉ cho mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng hóa của doanh nghiệp;

(b) việc duy trì kho hàng hóa của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng;

(c) việc duy trì kho hàng hóa của doanh nghiệp với mục đích chỉ để cho doanh nghiệp khác gia công;

(d) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hóa hoặc để thu thập thông tin cho doanh nghiệp;

(e) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất phụ trợ hoặc chuẩn bị cho doanh nghiệp;

(f) việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích kết hợp bất kỳ hoạt động nào nêu từ điểm (a) tới điểm (e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của cơ sở kinh doanh cố định từ sự kết hợp trên mang tính chất phụ trợ hoặc chuẩn bị.

5. Mặc dù có các quy định tại các khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng – trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 6 – hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, doanh nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với các hoạt động mà đối tượng này thực hiện cho doanh nghiệp, nếu đối tượng đó có và thường xuyên thực hiện tại Nước thứ nhất thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên doanh nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng này chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà các hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định, sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định này trở thành một cơ sở thường trú theo các quy định tại khoản đó.

6. Một doanh nghiệp sẽ không được coi là có một cơ sở thường trú tại một Nước ký kết chỉ vì doanh nghiệp đó chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, trong trường hợp các đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó dành toàn bộ thay mặt cho doanh nghiệp đó, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

7. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hoặc dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

ĐIỀU 6

Thu nhập từ bất động sản

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) có tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có bất động sản đó. Thuật ngữ này trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp (bao gồm cả sự gây giống và nuôi dưỡng cá) và lâm nghiệp, các quyền lợi được áp dụng theo như các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc không cố định trả cho việc khai thác hoặc quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy, thuyền và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Các quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào khác của bất động sản.

4. Các quy định tại các khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7

Lợi nhuận kinh doanh

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ trường hợp doanh nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia. Nếu doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia nhưng chỉ trên phần lợi nhuận phân bổ cho cơ sở thường trú đó.

2. Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một doanh nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú đặt tại Nước ký kết kia, thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở thường trú đó có thể thu được nếu nó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hoặc tương tự trong cùng các điều kiện như nhau hoặc tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Khi xác định lợi nhuận của một cơ sở thường trú, cơ sở thường trú này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung trong phạm vi các chi phí này phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú này, bất kể chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào các khoản chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ khi là khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hoặc bất kỳ khoản thanh toán tương tự nào khác để được phép sử dụng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp tiền lãi của tổ chức ngân hàng. Tương tự như vậy, khi xác định lợi nhuận của cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng khác của doanh nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hoặc các khoản thanh toán tương tự để cho phép sử dụng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc

bất kỳ văn phòng nào của doanh nghiệp vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của tổ chức ngân hàng.

4. Không một khoản lợi nhuận nào sẽ được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hóa cho doanh nghiệp.

5. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi nhuận chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

6. Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

7. Khi lợi nhuận bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó sẽ không bị ảnh hưởng bởi các quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8

Vận tải biển và vận tải hàng không

1. Lợi nhuận do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ chịu thuế tại Nước ký kết đó.

2. Theo quy định tại Điều này, lợi nhuận do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ bao gồm đặc biệt là các khoản lợi nhuận thu được từ việc sử dụng hoặc cho thuê công-ten-nơ, khi những khoản lợi nhuận như vậy có tính chất phụ kèm cho các khoản lợi nhuận mà các quy định tại khoản 1 áp dụng.

3. Các quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi nhuận từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế.

ĐIỀU 9

Các doanh nghiệp liên kết

1. Khi

   (a) một doanh nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

   (b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Nước ký kết và vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia,

   và trong hai trường hợp, trong các mối quan hệ thương mại hoặc quan hệ tài chính giữa hai doanh nghiệp trên có những điều kiện được xác lập hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có các điều kiện trên, nhưng nay vì những điều kiện này mà doanh nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được tính vào các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi nhuận của một doanh nghiệp tại Nước đó – và đánh thuế tương ứng – các khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp tại Nước ký kết kia đã bị đánh thuế ở Nước kia và những khoản lợi nhuận được tính vào như vậy bởi Nước ký kết thứ nhất là những khoản lợi nhuận lẽ ra thuộc về doanh nghiệp tại Nước thứ nhất nếu như những điều kiện được đặt ra giữa hai doanh nghiệp trên là những điều kiện được xác lập giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó Nước kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Nước mình đối với các khoản lợi nhuận trên cho phù hợp. Trong khi xác định sự điều chỉnh trên sẽ xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này và khi cần thiết các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau.

ĐIỀU 10

Tiền lãi cổ phần

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá:

   (a) 5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty (không phải là tổ chức hùn vốn) trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ ít nhất 50 phần trăm số vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần hoặc đã đầu tư trên 10 triệu đô-la Mỹ, hoặc tương đương bằng tiền Thổ Nhĩ Kỳ hoặc Việt Nam, trong vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần;

   (b) 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ ít nhất 25 phần trăm nhưng ít hơn 50 phần trăm số vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần;

   (c) 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.

   Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với lợi nhuận dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần "jouissance" hoặc các quyền lợi "jouissance", cổ phần khai thác mỏ, cổ phần sáng lập hoặc các quyền lợi khác không phải là các khoản cho vay, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi khác trong công ty cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo các luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4. Các quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân

độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền nắm giữ các cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Lợi nhuận của một công ty của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia, sau khi đã chịu thuế theo Điều 7, có thể bị đánh thuế trên khoản lợi nhuận còn lại tại Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú. Mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 5%.

6. Thể theo các quy định tại khoản 5, khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp các khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc việc nắm giữ mà theo đó các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định tại Nước kia, đồng thời Nước kia cũng không buộc các khoản lợi nhuận không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi nhuận không chia của công ty, cho dù các khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi nhuận không chia bao gồm toàn bộ hoặc một phần các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

ĐIỀU 11

Lãi từ tiền cho vay

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, khoản lãi từ tiền cho vay này cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng lãi từ tiền cho vay thì khi đó mức thuế được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Mặc dù có những quy định tại khoản 2, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại:

   (a) Việt Nam và trả cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ hoặc Ngân hàng Trung ương Thổ Nhĩ Kỳ sẽ được miễn thuế Việt Nam;

   (b) Thổ Nhĩ Kỳ và trả cho Chính phủ Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ được miễn thuế Thổ Nhĩ Kỳ.

4. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hoặc không được đảm bảo bằng thế chấp, và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường, kể cả các khoản tiền thưởng và giải thưởng kèm theo các khoản chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường đó.

5. Các quy định tại các khoản 1, 2 và 3 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay, thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia, hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14 tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở

cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Nước nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

7. Trường hợp, do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay được trả cho khoản nợ có liên quan, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết, có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 12

Tiền bản quyền

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, các khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh tiền bản quyền, và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền bản quyền thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học, kể cả phim điện ảnh, hoặc các loại phim hoặc băng dùng cho phát thanh hoặc truyền hình, sáng chế, nhãn hiệu, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hoặc trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, thiết bị công nghiệp, thương mại, hoặc khoa học hoặc trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4. Các quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú có tại Nước ký kết kia, hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định có tại Nước ký kết kia, và quyền hoặc tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc với cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, chính quyền cơ sở, hoặc chính quyền địa phương hoặc một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền bản quyền có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến quyền hoặc tài sản phát sinh tiền bản quyền có liên hệ thực tế, và khoản tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Nước nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền được trả cho việc sử dụng, quyền sử dụng hoặc thông tin vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của ĐIều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết, có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 13

Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được từ chuyển nhượng bất động sản được nêu tại khoản 2 Điều 6 và có tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thu nhập từ chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, kể cả thu nhập từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (chuyển nhượng riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó, có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3. Thu nhập do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thủy hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế, hoặc chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

4. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần hoặc các lợi ích tương ứng trong một công ty, mà tài sản của công ty đó bao gồm toàn bộ hoặc chủ yếu là bất động sản nằm tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

5. Thu nhập từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại các khoản 1, 2, 3 và 4, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

6. Các quy định của khoản 5 sẽ không ảnh hưởng đến quyền của một trong hai Nước ký kết đánh thuế theo luật của mình đối với thu nhập thu được bởi một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia từ việc chuyển nhượng cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Nước thứ nhất phát hành, nếu chủ sở hữu thực hưởng cổ phần nắm giữ trực tiếp dưới 25 phần trăm vốn của công ty đó và nếu thời gian giữa việc có được và chuyển nhượng không quá một năm.

ĐIỀU 14

Dịch vụ cá nhân độc lập

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các dịch vụ ngành nghề hoặc các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ các trường hợp sau đây, khi đó những khoản thu nhập như vậy cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

   (a) Nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động này; trong trường hợp đó chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hoặc

   (b) Nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại đến hoặc vượt quá 183 ngày trong năm tài chính liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phát sinh từ các hoạt động của đối tượng đó được thực hiện tại Nước kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hoặc giảng dạy mang tính chất độc lập của các thầy thuốc, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

ĐIỀU 15

Dịch vụ cá nhân phụ thuộc

1. Thể theo các quy định tại các Điều 16, 18 và 19, các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ khi lao động làm công của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu lao động làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động làm công đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Mặc dù có các quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:

   (a) người nhận tiền công hiện có mặt tại Nước kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng liên tục bắt đầu hoặc kết thúc trong năm dương lịch có liên quan, và

   (b) chủ lao động hoặc đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú của Nước kia, và

   (c) tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định mà chủ lao động có tại Nước kia.

3. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, tiền công thu được từ việc làm công trên tàu thủy hoặc máy bay do một doanh nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

ĐIỀU 16

Thù lao giám đốc

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của Ban giám đốc của một công ty là một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 17

Nghệ sỹ và Vận động viên

1. Mặc dù có những quy định tại các Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn, như diễn viên sân khấu, diễn viên điện ảnh, nghệ sỹ phát thanh hoặc truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của người đó thực hiện tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên mà trả cho đối tượng khác, thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có những quy định tại các Điều 7, 14 và 15.

3. Mặc dù đã có những quy định tại các khoản 1 và 2, thu nhập do người biểu diễn hay vận động viên là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động trình diễn tại Nước ký kết kia theo chương trình trao đổi văn hóa giữa Chính phủ của hai Nước ký kết sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia.

ĐIỀU 18

Tiền lương hưu

1. Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản thù lao tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó. Quy định này cũng sẽ áp dụng cho niên kim nhân thọ được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết.

2. Thuật ngữ "niên kim" có nghĩa là khoản tiền nhất định, thanh toán cho một người theo định kỳ vào những thời gian nhất định trong suốt cuộc đời của người này hoặc trong một khoảng thời gian cụ thể hoặc khoảng thời gian đã được xác định cụ thể theo cam kết về nghĩa vụ để nhận lại được số tiền hay giá trị bằng tiền toàn bộ hoặc tương ứng.

ĐIỀU 19

Phục vụ Chính phủ

1. (a) Các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác, trừ tiền lương hưu do một Nước ký kết hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

   (b) Tuy nhiên, khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

      (i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc

      (ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện các công việc trên.

2. (a) Bất kỳ khoản lương hưu nào do một Nước ký kết hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

   (b) Tuy nhiên, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú và là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia.

3. Các quy định của các Điều 15, 16, 17 và 18 sẽ áp dụng đối với tiền lương, tiền công và các khoản thù lao tương tự khác, và lương hưu được trả đối với việc phục vụ liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

ĐIỀU 20

Sinh viên và Thực tập sinh

1. Những khoản tiền mà một sinh viên hoặc một thực tập sinh kinh doanh nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo mà người sinh viên hoặc thực tập sinh này ngay trước khi đến một Nước ký kết đang và đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hoặc đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước đó, với điều kiện những khoản tiền đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước này.

2. Khoản tiền thù lao mà một sinh viên hoặc học sinh học nghề là đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết nhận được từ công việc thực hiện tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong một năm dương lịch, để đạt được những kinh nghiệm thực tế liên quan đến việc học tập hoặc thực tập của đối tượng này sẽ không bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 21

Giáo viên, Giáo sư và Nhà nghiên cứu

Một cá nhân đang hoặc ngay trước khi sang một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất chủ yếu vì mục đích giảng dạy, thuyết trình hoặc tiến hành nghiên cứu tại một trường đại học, cao đẳng, trường phổ thông hoặc cơ sở giáo dục hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học do Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất công nhận sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất đối với khoản tiền thù lao trả cho việc giảng dạy, thuyết trình hoặc nghiên cứu đó trong thời hạn hai năm kể từ ngày đầu tiên đến Nước ký kết thứ nhất.

ĐIỀU 22

Thu nhập khác

1. Các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những điều trên của Hiệp định này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Các quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 của Điều 6, nếu người nhận thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia, hoặc thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hoặc tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định trên. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 23

Các biện pháp xóa bỏ việc đánh thuế hai lần

1. Tại Việt Nam, việc tránh đánh thuế hai lần sẽ được thực hiện như sau:

(a) Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được thu nhập, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm mà theo luật của Thổ Nhĩ Kỳ và phù hợp với Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam sẽ cho phép khấu trừ vào thuế đánh trên thu nhập, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm một khoản tiền bằng số tiền thuế đã nộp tại Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy nhiên, khoản tiền thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế Việt Nam đánh trên thu nhập, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm được tính trước khi cho phép khấu trừ mà phần thuế này được phân bổ cho thu nhập có thể bị đánh thuế tại Thổ Nhĩ Kỳ.

(b) Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được thu nhập mà theo các quy định của Hiệp định này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam có thể gộp thu nhập này vào cơ sở tính thuế nhưng chỉ để xác định thuế suất đối với thu nhập khác bị chịu thuế tại Việt Nam.

2. Tại Thổ Nhĩ Kỳ, việc tránh đánh thuế hai lần sẽ được thực hiện như sau:

(a) Trường hợp một đối tượng cư trú của Thổ Nhĩ Kỳ nhận được thu nhập mà theo các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Việt Nam, thể theo các quy định của các luật thuế của Thổ Nhĩ Kỳ liên quan đến khấu trừ thuế nước ngoài (sẽ không ảnh hưởng đến các nguyên tắc chung của Hiệp định này), Thổ Nhĩ Kỳ sẽ cho phép trừ vào thuế thu nhập của đối tượng đó một khoản tương đương với số thuế đã nộp tại Việt Nam.

Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ như vậy sẽ không vượt quá phần thuế thu nhập được tính tại Thổ Nhĩ Kỳ trước khi cho phép khấu trừ, được phân bổ cho phần thu nhập có thể bị đánh thuế tại Việt Nam.

(b) Theo bất kỳ quy định nào của Hiệp định này, trường hợp một đối tượng cư trú của Thổ Nhĩ Kỳ có thu nhập được miễn thuế tại Thổ Nhĩ Kỳ, khi tính thuế trên thu nhập còn lại của đối tượng cư trú đó, Thổ Nhĩ Kỳ có thể tính đến phần thu nhập đã được miễn thuế.

3. Thể theo khoản 4 của Điều này, theo nội dung khoản 2 của Điều này, thuật ngữ "thuế thu nhập đã nộp tại Việt Nam" sẽ được coi là bao gồm bất kỳ khoản thuế nào lẽ ra phải nộp với tính chất là thuế Việt Nam trong bất kỳ năm nào nhưng được miễn hoặc giảm thuế trong năm đó hoặc bất kỳ thời gian nào trong năm đó theo bất kỳ quy định nào sau đây của luật Việt Nam:

   (a) Điều 15 của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp (Số 14/2008/QH12) và các khoản 7, 8 và 9 của Điều 1 của Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp (Số 32/2013/QH13) và các quy định liên quan đã được sửa đổi, đến nay đã có hiệu lực, và chưa được sửa đổi kể từ ngày ký Hiệp định này, hoặc chỉ được sửa đổi trong một số khía cạnh nhỏ mà không ảnh hưởng tới tính chất chung của các quy định đó; và miễn là nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận rằng bất kỳ việc miễn hoặc giảm thuế Việt Nam theo những Điều này được ban hành nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại, khoa học, giáo dục và phát triển khác tại Việt Nam và nhà chức trách có thẩm quyền của Thổ Nhĩ Kỳ chấp nhận việc miễn hoặc giảm thuế như vậy được ban hành với mục đích trên; hoặc

   (b) bất kỳ quy định nào khác nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tại Việt Nam, có thể được ban hành, cho phép miễn hoặc giảm thuế Việt Nam đã được các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết chấp nhận có tính chất tương tự, nếu những quy định này chưa được sửa đổi sau đó hoặc chỉ được sửa đổi trong một số khía cạnh nhỏ mà không ảnh hưởng tới tính chất chung của những quy định này và luôn luôn phải được chứng nhận và chấp thuận như được quy định tại tiết khoản (a) của khoản này.

4. Việc miễn thuế Thổ Nhĩ Kỳ theo nội dung tại khoản 3 của Điều này sẽ chỉ được thực hiện trong thời gian 10 năm bắt đầu từ ngày Hiệp định này có hiệu lực. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, việc miễn thuế sẽ không được thực hiện sau ngày 31/12/2025.

ĐIỀU 24

Không phân biệt đối xử

1. Các đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hoặc bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hoặc nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể áp dụng đối với các đối tượng mang quốc tịch của Nước kia trong cùng các hoàn cảnh như nhau.

2. Thể theo các quy định tại khoản 5 Điều 10, chế độ thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn tại Nước kia so với chế độ thuế áp dụng cho các doanh nghiệp của Nước kia cùng tiến hành các hoạt động tương tự.

3. Các doanh nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hoặc một phần vốn do một hoặc nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất kỳ chế độ thuế hoặc yêu cầu liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất.

4. Những quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết phải dành cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào vì lợi ích tư cách công dân hoặc trách nhiệm gia đình mà Nước ký kết đó cho đối tượng cư trú của Nước mình được hưởng.

5. Những quy định tại các khoản 2 và 3 của Điều này sẽ không áp dụng đối với thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Việt Nam và thuế của Việt Nam đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

6. Các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các loại thuế bao gồm trong Hiệp định này.

ĐIỀU 25

Thủ tục thỏa thuận song phương

1. Trường hợp một đối tượng cư trú nhận thấy rằng việc giải quyết của hai Nước ký kết làm cho hoặc sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng với những quy định của Hiệp định này, đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết mà đối tượng đó là đối tượng cư trú, mặc dù trong nội luật của hai Nước đã quy định về chế độ xử lý khiếu nại, nếu trường hợp của đối tượng này thuộc phạm vi khoản 1 của Điều 24 của Nước ký kết nơi đối tượng mang quốc tịch. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến chế độ thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh việc đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hoặc vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể liên hệ trực tiếp với nhau, bao gồm cả việc liên hệ thông qua một ủy ban chung gồm các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết hoặc đại diện của nhà chức trách có thẩm quyền, nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của các khoản trên đây.

ĐIỀU 26

Trao đổi thông tin

1. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau các thông tin được thấy trước là thích hợp cho việc thực hiện các quy định của Hiệp định này hoặc để quản lý, cưỡng chế tuân thủ các luật thuế trong nước của từng Nước ký kết hoặc của cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước không trái với Hiệp định này. Việc trao đổi thông tin không bị giới hạn bởi các Điều 1 và 2.

2. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được theo khoản 1 sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong nước của Nước này và thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hoặc truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế nêu tại khoản 1, hoặc giám sát các nội dung trên. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hoặc trong các quyết định của tòa án.

3. Không có trường hợp nào mà các quy định tại các khoản 1 và 2 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

   (a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp và thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   (b) cung cấp các thông tin không thể tiết lộ được theo luật pháp hoặc theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   (c) cung cấp các thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hoặc bí mật nghề nghiệp hoặc quy trình kinh doanh, hoặc cung cấp các thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách công *(ordre public)*.

4. Nếu thông tin do một Nước ký kết yêu cầu phù hợp với Điều này, Nước ký kết kia sẽ sử dụng các biện pháp thu thập thông tin của mình để có được các thông tin theo yêu cầu, mặc dù Nước kia có thể không cần các thông tin như vậy cho mục đích thuế của mình. Nghĩa vụ được quy định

tại câu trên phụ thuộc vào các giới hạn tại khoản 3 nhưng trong mọi trường hợp, các giới hạn này không có nghĩa là cho phép một Nước ký kết từ chối việc cung cấp thông tin chỉ vì Nước ký kết đó không có lợi ích trong nước đối với các thông tin như vậy.

5. Trong mọi trường hợp, các quy định tại khoản 3 sẽ không cho phép một Nước ký kết từ chối việc cung cấp thông tin chỉ vì thông tin do một ngân hàng, tổ chức tài chính, đối tượng được chỉ định hoặc đối tượng với tư cách đại lý hoặc đối tượng được uỷ thác khác nắm giữ hoặc chỉ vì thông tin có liên quan tới các lợi ích về sở hữu trong một đối tượng.

ĐIỀU 27

Hỗ trợ thu thuế

1. Các Nước ký kết sẽ hỗ trợ lẫn nhau trong việc thu các khoản thu. Sự hỗ trợ này không bị giới hạn bởi các Điều 1 và 2. Nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết có thể giải quyết phương thức áp dụng Điều này thông qua thoả thuận song phương.

2. Thuật ngữ "khoản thu" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là một số tiền nợ về các loại thuế hoặc các khoản thu được đánh bởi một Nước ký kết, chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó trong chừng mực việc đánh thuế như vậy không trái với Hiệp định này hoặc bất cứ các văn kiện nào mà các Nước ký kết là các bên cũng như các khoản tiền lãi, phạt hành chính và các khoản chi phí để thu hoặc bảo vệ liên quan đến số tiền đó.

3. Nếu một khoản thu của một Nước ký kết có hiệu lực áp dụng tại Nước đó và bị nợ bởi một đối tượng mà vào thời điểm đó, theo luật của Nước đó không thể chống lại việc thu đối với đối tượng đó thì khoản thu đó theo yêu cầu của Nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đó sẽ được chấp nhận cho mục đích thu của Nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia. Khoản thu đó sẽ được thu bởi Nước ký kết kia theo các quy định của luật được áp dụng để thực thi và thu các khoản thuế của Nước ký kết kia như thể khoản thu đó là khoản thu của Nước ký kết kia.

4. Nếu một khoản thu của một Nước ký kết là một khoản thu mà đối với nó Nước đó có thể theo luật của mình tiến hành các biện pháp bảo vệ để đảm bảo việc thu của mình thì khoản thu đó theo yêu cầu của Nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đó sẽ được chấp nhận cho mục đích áp dụng các biện pháp bảo vệ của Nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia. Nước ký kết kia sẽ tiến hành các biện pháp bảo vệ đối với khoản thu đó theo các quy định của luật được áp dụng của mình như thể khoản thu đó là một khoản thu của Nước ký kết kia mặc dù vào thời điểm áp dụng các biện pháp như vậy khoản thu đó không có hiệu lực thi hành tại Nước ký kết thứ nhất hoặc bị nợ bởi một đối tượng có quyền để chống lại khoản thu đối với đối tượng đó.

5. Mặc dù các quy định tại các khoản 3 và 4, một khoản thu được chấp nhận bởi một Nước ký kết cho các mục đích của các khoản 3 và 4 sẽ không bị phụ thuộc vào thời hạn hoặc tuân theo bất kỳ sự ưu đãi nào được áp dụng đối với một khoản thu của Nước ký kết đó do tính chất như vậy của khoản thu đó. Ngoài ra, một khoản thu được chấp nhận bởi

một Nước ký kết cho các mục đích của các khoản 3 và 4 tại Nước ký kết đó sẽ không có bất kỳ sự ưu đãi nào được áp dụng đối với khoản thu đó theo các luật của Nước ký kết kia.

6. Các thủ tục tố tụng đối với sự tồn tại, hiệu lực và số tiền của một khoản thu của một Nước ký kết sẽ không bị đưa ra trước các toà án hoặc các cơ quan hành chính của Nước ký kết khác.

7. Khi vào bất cứ thời điểm nào sau khi một yêu cầu đã được đưa ra bởi một Nước ký kết theo các khoản 3 và 4 và trước khi Nước ký kết khác đã thu và chuyển khoản thu tương ứng cho Nước ký kết thứ nhất, khoản thu tương ứng sẽ không còn là

   (a) trong trường hợp một yêu cầu theo khoản 3, một khoản thu của Nước ký kết thứ nhất có thể có hiệu lực theo luật của Nước đó và bị nợ bởi một đối tượng mà vào thời điểm đó, theo luật của Nước đó không thể chống lại việc thu đối với đối tượng đó, hoặc

   (b) trong trường hợp một yêu cầu theo khoản 4, một khoản thu của Nước ký kết thứ nhất mà đối với nó Nước đó có thể theo luật của mình tiến hành các biện pháp bảo vệ để đảm bảo việc thu của mình

   nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết thứ nhất sẽ ngay lập tức thông báo với Nhà chức trách có thẩm quyền của Nước kia về thực tế đó và, theo sự lựa chọn của Nước kia, Nước ký kết thứ nhất sẽ hoãn hoặc rút lại yêu cầu của mình.

8. Không có nội dung nào tại Điều này sẽ được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

   (a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp và thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   (b) thực hiện các biện pháp trái với chính sách công *(ordre public)*;

   (c) cung cấp sự hỗ trợ nếu Nước ký kết kia đã không tiến hành các biện pháp hợp lý để thu hoặc bảo vệ, tùy theo từng trường hợp, có thể được áp dụng theo luật hoặc thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết kia;

(d) cung cấp sự hỗ trợ trong các trường hợp mà gánh nặng hành chính của Nước đó hoàn toàn không tương xứng với lợi ích đạt được bởi Nước ký kết kia.

ĐIỀU 28

Thành viên Cơ quan đại diện ngoại giao và Cơ quan lãnh sự

Không nội dung nào tại Hiệp định này ảnh hưởng đến các ưu đãi về thuế của thành viên cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự theo các quy phạm chung của pháp luật quốc tế hoặc các quy định tại các hiệp định đặc biệt.

ĐIỀU 29

Hiệu lực

1. Mỗi Nước ký kết sẽ thông báo cho Nước ký kết kia việc hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu của luật pháp nước mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm thông báo sau cùng.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành:

   (a) tại Việt Nam:

      (i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế được chi trả từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định này có hiệu lực;

      (ii) đối với các khoản thuế Việt Nam khác, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm phát sinh từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định này có hiệu lực;

   (b) tại Thổ Nhĩ Kỳ:

      đối với các loại thuế, liên quan đến tất cả các giai đoạn chịu thuế bắt đầu từ và vào ngày đầu tiên của tháng 1 của năm tiếp theo năm Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 30

Chấm dứt hiệu lực

Hiệp định này sẽ vẫn còn hiệu lực cho tới khi một Nước ký kết tuyên bố chấm dứt hiệu lực. Từng Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định bằng cách gửi thông báo chấm dứt hiệu lực Hiệp định ít nhất 6 tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

(a) tại Việt Nam:

(i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế được chi trả từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm nhận được thông báo;

(ii) đối với các khoản thuế Việt Nam khác, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc giá trị tăng thêm phát sinh từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm nhận được thông báo;

(b) tại Thổ Nhĩ Kỳ:

đối với các loại thuế, liên quan đến tất cả các giai đoạn chịu thuế bắt đầu từ và vào ngày đầu tiên của tháng 1 của năm tiếp theo năm nhận được thông báo.

ĐỂ LÀM BẰNG những người có tên dưới đây, được sự ủy quyền hợp thức của Chính phủ nước mình, đã ký vào Hiệp định này.

LÀM tại An-ca-ra ngày 08 tháng 7 năm 2014 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và tiếng Anh, tất cả các bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đỗ Hoàng Anh Tuấn
Thứ trưởng Bộ Tài chính

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA THỔ NHĨ KỲ

Abdullah Erdem CANTİMUR
Thứ trưởng Bộ Tài chính

NGHỊ ĐỊNH THƯ

Tại thời điểm ký kết Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập giữa Chính phủ nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, những người ký tên dưới đây đã thỏa thuận các điều khoản dưới đây sẽ là một bộ phận hợp thành của Hiệp định.

Liên quan đến khoản 3(a) Điều 5:

Trường hợp, theo bất kỳ Hiệp định nào khác giữa Việt Nam với một nước được ký kết sau ngày ký Hiệp định này, Việt Nam đồng ý, tại các quy định có liên quan đến khoản 3(a) Điều 5 (Cơ sở thường trú) của Hiệp định này về khoảng thời gian dài hơn khoảng thời gian đã được quy định tại khoản này, khi đó khoảng thời gian dài nhất sẽ được áp dụng theo nội dung của khoản 3(a) Điều 5 có hiệu lực kể từ ngày khoảng thời gian dài nhất theo Hiệp định đó có hiệu lực.

Liên quan đến khoản 3 Điều 10:

Trong trường hợp của Thổ Nhĩ Kỳ, hai bên thống nhất rằng thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" cũng sẽ bao gồm thu nhập từ các quỹ đầu tư và tín thác đầu tư.

Liên quan đến Điều 10:

Nếu sau ngày 23 tháng 10 năm 2009, Việt Nam ký một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần với một nước thành viên của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế quy định mức thuế suất thấp hơn đối với tiền lãi cổ phần (bao gồm cả mức thuế suất bằng 0) thì khi đó những mức thuế suất thấp hơn này sẽ được áp dụng cho các đối tượng cư trú của Thổ Nhĩ Kỳ.

ĐỂ LÀM BẰNG những người có tên dưới đây, được sự ủy quyền hợp thức của Chính phủ nước mình, đã ký vào Nghị định thư này.

LÀM tại An-ca-ra ngày 08 tháng 7 năm 2014 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và tiếng Anh, tất cả các bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đỗ Hoàng Anh Tuấn
Thứ trưởng Bộ Tài chính

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA THỔ NHĨ KỲ

Abdullah Erdem CANTİMUR
Thứ trưởng Bộ Tài chính

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF TURKEY

FOR

THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

AND

THE PREVENTION OF FISCAL EVASION

WITH RESPECT TO TAXES ON INCOME

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Turkey,

Desiring to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1

Persons Covered

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting States.

ARTICLE 2

Taxes Covered

1. This Agreement shall apply to taxes on income imposed on behalf of a Contracting State or of its political subdivisions or local authorities, irrespective of the manner in which they are levied.

2. There shall be regarded as taxes on income all taxes imposed on total income, or on elements of income, including taxes on gains from the alienation of movable or immovable property, taxes on the total amounts of wages or salaries paid by enterprises.

3. The existing taxes to which the Agreement shall apply are:

   (a) in Viet Nam:

      (i) the personal income tax; and

      (ii) the business income tax;

      (hereinafter referred to as "Vietnamese tax");

   (b) in Turkey:

      (i) the income tax; and

      (ii) the corporation tax;

      (hereinafter referred to as "Turkish tax").

4. The Agreement shall also apply to any identical or substantially similar taxes which are imposed after the date of signature of the Agreement in addition to, or in place of, the existing taxes. The competent authorities of the Contracting States shall notify each other of important changes which have been made in their respective taxation laws.

ARTICLE 3

General Definitions

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

   (a) the term "Viet Nam" means when used in a geographical sense, its land territory, islands, internal waters, territorial sea and the airspace above them as well as maritime areas beyond territorial sea including seabed and subsoil over which it has jurisdiction or sovereign rights or sovereignty for the purposes of exploration, exploitation or conservation of natural resources, pursuant to national legislation and international law;

   (b) the term "Turkey" means the land territory, internal waters, the territorial sea and the airspace above them, as well as the maritime areas over which Turkey has sovereign rights or jurisdiction for the purposes of exploration, exploitation and preservation of natural resources whether living or non-living pursuant to international law;

   (c) the terms "a Contracting State" and "the other Contracting State" mean Viet Nam or Turkey as the context requires;

   (d) the term "person" includes an individual, a company and any other body of persons;

   (e) the term "company" means any body corporate or any entity which is treated as a body corporate for tax purposes;

   (f) the terms "enterprise of a Contracting State" and "enterprise of the other Contracting State" mean respectively an enterprise carried on by a resident of a Contracting State and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting State;

   (g) the term "nationals" means:

      (i) all individuals possessing the nationality of a Contracting State;

      (ii) all legal persons, partnerships and associations deriving their status as such from the laws in force in a Contracting State;

(h) the term "international traffic" means any transport by a ship or aircraft operated by an enterprise of a Contracting State, except when the ship or aircraft is operated solely between places in the other Contracting State;

(i) the term "competent authority" means:

(i) in the case of Viet Nam, the Minister of Finance or his authorized representative; and

(ii) in the case of Turkey, the Minister of Finance or his authorized representative.

2. As regards the application of the Agreement at any time by a Contracting State, any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning that it has at that time under the law of that State for the purposes of the taxes to which the Agreement applies, any meaning under the applicable tax laws of that State prevailing over a meaning given to the term under other laws of that State.

ARTICLE 4

Resident

1. For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting State" means any person who, under the laws of that State, is liable to tax therein by reason of his domicile, residence, place of management, place of registration or any other criterion of a similar nature, and also includes that State and any political subdivision or local authority thereof. This term, however, does not include any person who is liable to tax in that State in respect only of income from sources in that State.

2. Where by reason of the provisions of paragraph 1 an individual is a resident of both Contracting States, then his status shall be determined as follows:

   (a) he shall be deemed to be a resident only of the State in which he has a permanent home available to him; if he has a permanent home available to him in both States, he shall be deemed to be a resident only of the State with which his personal and economic relations are closer (centre of vital interests);

   (b) if the State in which he has his centre of vital interests cannot be determined, or if he has not a permanent home available to him in either State, he shall be deemed to be a resident only of the State in which he has an habitual abode;

   (c) if he has an habitual abode in both States or in neither of them, he shall be deemed to be a resident only of the State of which he is a national;

   (d) if he is a national of both States or of neither of them, the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.

3. Where by reason of the provisions of paragraph 1, a person other than an individual is a resident of both Contracting States, then it shall be deemed to be a resident only of the State in which its place of registration is situated.

ARTICLE 5

Permanent Establishment

1. For the purposes of this Agreement, the term "permanent establishment" means a fixed place of business through which the business of the enterprise is wholly or partly carried on.

2. The term "permanent establishment" includes especially:

   (a) a place of management;

   (b) a branch;

   (c) an office;

   (d) a factory;

   (e) a workshop;

   (f) a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place of extraction of natural resources; and

   (g) a warehouse in relation to a person providing storage facilities for others.

3. The term "permanent establishment" likewise encompasses:

   (a) a building site, construction, assembly or installation project or supervisory activities in connection therewith, but only where such site, project or activities continue for a period of more than six months;

   (b) the furnishing of services, including consultancy services, by an enterprise through employees or other personnel engaged by the enterprise for such purpose, but only where activities of that nature continue (for the same or a connected project) within the country for a period or periods aggregating more than six months within any 12-month period.

4. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the term "permanent establishment" shall be deemed not to include:

(a) the use of facilities solely for the purpose of storage, display or delivery of goods or merchandise belonging to the enterprise;

(b) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage, display or delivery;

(c) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;

(d) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of purchasing goods or merchandise or of collecting information for the enterprise;

(e) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of carrying on, for the enterprise, any other activity of a preparatory or auxiliary character;

(f) the maintenance of a fixed place of business solely for any combination of activities mentioned in sub-paragraphs (a) to (e), provided that the overall activity of the fixed place of business resulting from this combination is of a preparatory or auxiliary character.

5. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, where a person - other than an agent of an independent status to whom paragraph 6 applies - is acting in a Contracting State on behalf of an enterprise of the other Contracting State, that enterprise shall be deemed to have a permanent establishment in the first-mentioned Contracting State in respect of any activities which that person undertakes for the enterprise, if such a person has and habitually exercises in that State an authority to conclude contracts in the name of the enterprise, unless the activities of such person are limited to those mentioned in paragraph 4 which, if exercised through a fixed place of business, would not make this fixed place of business a permanent establishment under the provisions of that paragraph.

6. An enterprise shall not be deemed to have a permanent establishment in a Contracting State merely because it carries on business in that State through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, provided that such persons are acting in the ordinary course of their business. However, when the activities of such an agent

are devoted wholly on behalf of that enterprise, he will not be considered an agent of an independent status within the meaning of this paragraph.

7. The fact that a company which is a resident of a Contracting State controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting State, or which carries on business in that other State (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

ARTICLE 6

Income from Immovable Property

1. Income derived by a resident of a Contracting State from immovable property (including income from agriculture or forestry) situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. The term "immovable property" shall have the meaning which it has under the law of the Contracting State in which the property in question is situated. The term shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture (including the breeding and cultivation of fish) and forestry, rights to which the provisions of general law respecting landed property apply, usufruct of immovable property and rights to variable or fixed payments as consideration for the working of, or the right to work, mineral deposits, sources and other natural resources; ships, boats and aircraft shall not be regarded as immovable property.

3. The provisions of paragraph 1 shall apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property.

4. The provisions of paragraphs 1 and 3 shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

ARTICLE 7

Business Profits

1. The profits of an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State unless the enterprise carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other State but only so much of them as is attributable to that permanent establishment.

2. Subject to the provisions of paragraph 3, where an enterprise of a Contracting State carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting State be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.

3. In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions expenses which are incurred for the purposes of the business of the permanent establishment, including executive and general administrative expenses so incurred, whether in the State in which the permanent establishment is situated or elsewhere. However, no such deduction shall be allowed in respect of amounts, if any, paid (otherwise than towards reimbursement of actual expenses) by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission, for specific services performed or for management, or, except in the case of a banking enterprise, by way of interest on moneys lent to the permanent establishment. Likewise, no account shall be taken, in the determination of the profits of a permanent establishment, for amounts charged (otherwise than towards reimbursement of actual expenses), by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission for specific services performed or for management, or, except in the case of banking enterprise by way of interest on moneys lent to the head office of the enterprise or any of its other offices.

4. No profits shall be attributed to a permanent establishment by reason of the mere purchase by that permanent establishment of goods or merchandise for the enterprise.

5. Insofar as it has been customary in a Contracting State to determine the profits to be attributed to a permanent establishment on the basis of an apportionment of the total profits of the enterprise to its various parts, nothing in paragraph 2 shall preclude such Contracting State from determining the profits to be taxed by such an apportionment as may be customary; the method of apportionment adopted shall, however, be such that the result shall be in accordance with the principles contained in this Article.

6. For the purposes of the preceding paragraphs, the profits to be attributed to the permanent establishment shall be determined by the same method year by year unless there is good and sufficient reason to the contrary.

7. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

ARTICLE 8

Shipping and Air Transport

1. Profits derived by an enterprise of a Contracting State from the operation of ships or aircraft in international traffic shall be taxable only in that Contracting State.

2. For the purposes of this Article, profits derived by an enterprise of a Contracting State from the operation of ships or aircraft in international traffic shall include inter alia profits derived from the use or rental of containers, if such profits are incidental to the profits to which the provisions of paragraph 1 apply.

3. The provisions of paragraph 1 shall also apply to profits from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency.

ARTICLE 9

Associated Enterprises

1. Where

   (a) an enterprise of a Contracting State participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting State, or

   (b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting State and an enterprise of the other Contracting State,

   and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, but, by the reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

2. Where a Contracting State includes in the profits of an enterprise of that State - and taxes accordingly - profits on which an enterprise of the other Contracting State has been charged to tax in that other State and the profits so included are by the first- mentioned State claimed to be profits which would have accrued to the enterprise of the first-mentioned State if the conditions made between the two enterprises had been those which would have been made between independent enterprises, then that other State shall make an appropriate adjustment to the amount of the tax charged therein on those profits, where that other State considers the adjustment justified. In determining such adjustment, due regard shall be had to the other provisions of this Agreement and the competent authorities of the Contracting States shall if necessary consult each other.

ARTICLE 10

Dividends

1. Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting State to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However such dividends may also be taxed in the Contracting State of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the dividends the tax so charged shall not exceed:

   (a) 5 per cent of the gross amount of the dividends if the beneficial owner is a company (other than a partnership) which holds directly at least 50 per cent of the capital of the company paying the dividends or has invested more than 10 million US-dollars, or the equivalent in Turkish or Vietnamese currency, in the capital of the company paying the dividends;

   (b) 10 per cent of the gross amount of the dividends if the beneficial owner is a company which holds directly or indirectly at least 25 per cent but less than 50 per cent of the capital of the company paying the dividends;

   (c) 15 per cent of the gross amount of the dividends in all other cases.

   This paragraph shall not affect the taxation of the company in respect of the profits out of which the dividends are paid.

3. The term "dividends" as used in this Article means income from shares, "jouissance" shares or "jouissance" rights, mining shares, founders' shares or other rights not being debt-claims, participating in profits, as well as income from other corporate rights which is subjected to the same taxation treatment as income from shares by the laws of the State of which the company making the distribution is a resident.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State of which the company paying the dividends is a resident through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding in respect of which

the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case, the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Profits of a company of a Contracting State carrying on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein may, after having been taxed under Article 7, be taxed on the remaining amount in the Contracting State in which the permanent establishment is situated. The tax rate so charged shall not exceed 5 per cent.

6. Subject to the provisions of paragraph 5, where a company which is a resident of a Contracting State derives profits or income from the other Contracting State, that other State may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other Contracting State or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a permanent establishment or a fixed base situated in that other State, nor subject the company's undistributed profits to a tax on the company's undistributed profits, even if the dividends paid or the undistributed profits consist wholly or partly of profits or income arising in such other State.

ARTICLE 11

Interest

1. Interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such interest may also be taxed in the Contracting State in which it arises, and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the interest the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the interest.

3. Notwithstanding the provisions of paragraph 2, interest arising in:

   (a) Viet Nam and paid to the Government of Turkey or to the Central Bank of Turkey shall be exempt from Vietnamese taxes;

   (b) Turkey and paid to the Government of Viet Nam or to the State Bank of Viet Nam shall be exempt from Turkish taxes.

4. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage, and whether or not carrying a right to participate in the debtor's profits, and in particular, income from government securities and income from bonds or debentures, including premiums and prizes attaching to such securities, bonds or debentures.

5. The provisions of paragraphs 1, 2 and 3 shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

6. Interest shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest

is borne by such permanent establishment or fixed base, then such interest shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

7. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

ARTICLE 12

Royalties

1. Royalties arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. However, such royalties may also be taxed in the Contracting State in which they arise, and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the royalties, the tax so charged shall not exceed 10 percent of the gross amount of such royalties.

3. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work including cinematograph films, or films or tapes used for radio or television broadcasting, any patent, trade mark, design or model, plan, secret formula or process or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment or for information concerning industrial, commercial or scientific experience.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the royalties, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the royalties arise, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the royalties are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case, the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Royalties shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the royalties, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the liability to pay the royalties was incurred, and such royalties are borne by such permanent establishment or fixed base, then such royalties shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the

amount of the royalties, having regard to the use, right or information for which they are paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

ARTICLE 13

Gains from the Alienation of Property

1. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of immovable property referred to in paragraph 2 of Article 6 and situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or with the whole enterprise) or of such fixed base, may be taxed in that other State.

3. Gains derived by an enterprise of a Contracting State from the alienation of ships or aircraft operated in international traffic, or movable property pertaining to the operation of such ships or aircraft shall be taxable only in that State.

4. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of shares or comparable interests in a company, the assets of which consist wholly or principally of immovable property situated in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

5. Gains from the alienation of any property other than that referred to in paragraphs 1, 2, 3, and 4 shall be taxable only in the Contracting State of which the alienator is a resident.

6. The provisions of paragraph 5 shall not affect the right of one of the Contracting States to levy, according to its own law, a tax on gains derived by a resident of the other State from the alienation of shares issued by a company which is a resident of the first-mentioned State, if the beneficial owner of the share holds directly less than 25 per cent of the capital of that company and if the period between acquisition and alienation does not exceed one year.

ARTICLE 14

Independent Personal Services

1. Income derived by a resident of a Contracting State in respect of professional services or other activities of an independent character shall be taxable only in that State except in the following circumstances, when such income may also be taxed in the other Contracting State:

   (a) If he has a fixed base regularly available to him in the other Contracting State for the purpose of performing his activities; in that case, only so much of the income as is attributable to that fixed base may be taxed in that other Contracting State; or

   (b) If his stay in the other Contracting State is for a period or periods amounting to or exceeding in the aggregate 183 days in the fiscal year concerned; in that case, only so much of the income as is derived from his activities performed in that other State may be taxed in that other State.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

ARTICLE 15

Dependent Personal Services

1. Subject to the provisions of Articles 16, 18 and 19, salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment shall be taxable only in that State unless the employment is exercised in the other Contracting State. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment exercised in the other Contracting State shall be taxable only in the first-mentioned State if:

   (a) the recipient is present in the other State for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in any twelve month period commencing or ending in the calendar year concerned, and

   (b) the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other State, and

   (c) the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other State.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration derived in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic by an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State.

ARTICLE 16

Directors' Fees

Directors' fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting State in his capacity as a member of the board of directors of a company which is a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

ARTICLE 17

Artistes and Sportsmen

1. Notwithstanding the provisions of Articles 14 and 15, income derived by a resident of a Contracting State as an entertainer, such as a theatre, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as a sportsman, from his personal activities as such exercised in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or a sportsman in his capacity as such accrues not to the entertainer or sportsman himself but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Articles 7, 14 and 15, be taxed in the Contracting State in which the activities of the entertainer or sportsman are exercised.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, income derived by entertainers or sportsmen who are residents of a Contracting State from activities in the other Contracting State under a plan of cultural exchange between the Governments of both Contracting States shall be exempt from tax in that other Contracting State.

ARTICLE 18

Pensions

1. Subject to the provisions of paragraph 2 of Article 19, pensions and other similar remuneration paid to a resident of a Contracting State in consideration of past employment shall be taxable only in that State. This provision shall also apply to life annuities paid to a resident of a Contracting State.

2. The term "annuity" means the fixed sum, payable to a physical person periodically at stated times during the life of this person or during the specified or ascertainable period of time under the obligation to return amount for adequate or full compensation in the form of money or money's worth.

ARTICLE 19

Government Service

1. (a) Salaries, wages and other similar remuneration, other than a pension, paid by a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or subdivision or authority shall be taxable only in that State.

   (b) However, such salaries, wages and other similar remuneration shall be taxable only in the other Contracting State if the services are rendered in that State and the individual is a resident of that State who:

      (i) is a national of that State; or

      (ii) did not become a resident of that State solely for the purpose of rendering the services.

2. (a) Any pension paid by, or out of funds created by, a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or subdivision or authority shall be taxable only in that State.

   (b) However, such pension shall be taxable only in the other Contracting State if the individual is a resident of, and a national of, that other State.

3. The provisions of Articles 15, 16, 17 and 18 shall apply to salaries, wages and other similar remuneration and to pensions, in respect of services rendered in connection with a business carried on by a Contracting State or a political subdivision or a local authority thereof.

ARTICLE 20

Students and Apprentices

1. Payments which a student or business apprentice who is or was immediately before visiting a Contracting State a resident of the other Contracting State and who is present in the first-mentioned State solely for the purpose of his education or training receives for the purpose of his maintenance, education or training shall not be taxed in that State, provided that such payments arise from sources outside that State.

2. Remuneration which a student or a trainee who is a national of a Contracting State derives from an employment which he exercises in the other Contracting State for a period or periods not exceeding 183 days in a calendar year, in order to obtain practical experience related to his education or formation shall not be taxed in that other State.

ARTICLE 21

Teachers, Professors and Researchers

An individual who is, or immediately before visiting a Contracting State was, a resident of the other Contracting State and is present in the first-mentioned Contracting State for the primary purpose of teaching, giving lectures or conducting research at a university, college, school or educational institution or scientific research institution accredited by the Government of the first-mentioned Contracting State shall be exempt from tax in the first-mentioned Contracting State, for a period of two years from the date of his first arrival in the first-mentioned Contracting State, in respect of remuneration for such teaching, lectures or research.

ARTICLE 22

Other Income

1. Items of income of a resident of a Contracting State, wherever arising, not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement shall be taxable only in that State.

2. The provisions of paragraph 1 shall not apply to income, other than income from immovable property as defined in paragraph 2 of Article 6, if the recipient of such income, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the income is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

ARTICLE 23

Methods for Elimination of Double Taxation

1. In Viet Nam, double taxation shall be eliminated as follows:

   (a) Where a resident of Viet Nam derives income, profits or gains which under the law of Turkey and in accordance with this Agreement may be taxed in Turkey, Viet Nam shall allow as a credit against its tax on the income, profits or gains an amount equal to the tax paid in Turkey. The amount of credit, however, shall not exceed the amount of the Vietnamese tax on that income, profit or gains as computed before the credit tax is given, which is attributable to the income which may be taxed in Turkey.

   (b) Where a resident of Viet Nam derives income, which in accordance with the provisions of this Agreement, shall be taxable only in Turkey, Viet Nam may include this income in the tax base but only for the purposes of determining the rate of tax on such other income as is taxable in Viet Nam.

2. In Turkey, double taxation shall be eliminated as follows:

   (a) Where a resident of Turkey derives income which, in accordance with the provisions of this Agreement, may be taxed in Viet Nam, Turkey shall subject to the provisions of Turkish taxation laws regarding credit for foreign taxes (which shall not affect the general principles of this Agreement) allow as a deduction from the tax on income of that person an amount equal to the tax on income paid in Viet Nam.

   Such deduction shall not, however exceed that part of the income tax computed in Turkey before the deduction is given which is attributable to the income which may be taxed in Viet Nam.

   (b) Where, in accordance with any provision of this Agreement income derived by a resident of Turkey is exempt from tax in Turkey, Turkey may nevertheless, in calculating the amount of tax on the remaining income of such resident, take into account the exempted income.

3. Subject to paragraph 4 of this Article, for the purpose of paragraph 2 of this Article, the term "the tax on income paid in Viet Nam" shall be

deemed to include any amount which would have been payable as Vietnamese tax for any year but for an exemption or reduction of tax granted for that year or any part thereof under any of the following provisions of Vietnamese law:

(a) Article 15 of the Law on Corporate Income Tax (No. 14/2008/QH12) and the paragraphs 7, 8 and 9 of Article 1 of the Law on amendments and additions to a number of Articles of the Law on Corporate Income Tax (No. 32/2013/QH13) and connected regulations as amended, so far as they were in force on, and have not been modified since, the date of signature of this Agreement, or have been modified only in minor respects so as not to affect their general character; and provided always that the competent authority of Viet Nam has certified that any such exemption from or reduction of Vietnamese tax given under these Articles has been granted in order to promote industrial, commercial, scientific, educational or other development in Viet Nam and the competent authority of Turkey has accepted that such exemption or reduction has been granted for such purpose; or

(b) any other provision to promote economic development in Viet Nam, which may subsequently be introduced, granting exemption from or reduction of Vietnamese tax which is agreed by the competent authorities of the Contracting States to be of a substantially similar character, if it has not been modified thereafter or has been modified only in minor respects so as not to affect its general character and subject always to certification and acceptance having taken place as provided for in sub-paragraph (a) of this paragraph.

4. Relief from Turkish tax by virtue of paragraph 3 of this Article shall be given for a period of 10 years only, beginning with the date on which this Agreement entered into force. However, under any circumstances, this relief shall not be granted after 31.12.2025.

ARTICLE 24

Non-discrimination

1. Nationals of a Contracting State shall not be subjected in the other Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which nationals of that other State in the same circumstances are or may be subjected.

2. Subject to the provisions of paragraph 5 of Article 10, the taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State shall not be less favourably levied in that other State than the taxation levied on enterprises of that other State carrying on the same activities.

3. Enterprises of a Contracting State, the capital of which is wholly or partly owned or controlled, directly or indirectly by one or more residents of the other Contracting State, shall not be subjected in the first-mentioned Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which other similar enterprises of the first-mentioned State are or may be subjected.

4. These provisions shall not be construed as obliging a Contracting State to grant to residents of the other Contracting State any personal allowances, reliefs and reductions for taxation purposes on account of civil status or family responsibilities which it grants to its own residents.

5. The provisions of paragraphs 2 and 3 of this Article shall not apply to the Vietnamese income remittance tax and the Vietnamese taxation in respect of agricultural production activities.

6. The provisions of this Article shall apply only to the taxes which are the subject of this Agreement.

ARTICLE 25

Mutual Agreement Procedure

1. Where a person considers that the actions of the Contracting States result or will result for him in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the domestic law of those States, present his case to the competent authority of the Contracting State of which he is a resident or if his case comes under paragraph 1 of Article 24, to that of the Contracting State of which he is a national. The case must be presented within three years from the first notification of the action resulting in taxation not in accordance with the provisions of the Agreement.

2. The competent authority shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at a satisfactory solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting State, with a view to the avoidance of taxation which is not in accordance with the Agreement.

3. The competent authorities of the Contracting States shall endeavour to resolve by mutual agreement any difficulties or doubts arising as to the interpretation or application of the Agreement. They may also consult together for the elimination of double taxation in cases not provided for in the Agreement.

4. The competent authorities of the Contracting States may communicate with each other directly, including through a joint commission consisting of themselves or their representatives, for the purpose of reaching an agreement in the sense of the preceding paragraphs.

ARTICLE 26

Exchange of Information

1. The competent authorities of the Contracting States shall exchange such information as is foreseeably relevant for carrying out the provisions of this Agreement or to the administration or enforcement of the domestic laws concerning taxes of every kind and description imposed on behalf of the Contracting States, or of their political subdivisions or local authorities, insofar as the taxation thereunder is not contrary to the Agreement. The exchange of information is not restricted by Articles 1 and 2.

2. Any information received under paragraph 1 by a Contracting State shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the domestic laws of that State and shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) concerned with the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of, the determination of appeals in relation to the taxes referred to in paragraph 1, or the oversight of the above. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes. They may disclose the information in public court proceedings or in judicial decisions.

3. In no case shall the provisions of paragraphs 1 and 2 be construed so as to impose on a Contracting State the obligation:

   (a) to carry out administrative measures at variance with the laws and administrative practice of that or of the other Contracting State;

   (b) to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting State;

   (c) to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information the disclosure of which would be contrary to public policy (*ordre public*).

4. If information is requested by a Contracting State in accordance with this Article, the other Contracting State shall use its information gathering measures to obtain the requested information, even though that other State may not need such information for its own tax purposes. The obligation contained in the preceding sentence is subject to the

limitations of paragraph 3 but in no case shall such limitations be construed to permit a Contracting State to decline to supply information solely because it has no domestic interest in such information.

5. In no case shall the provisions of paragraph 3 be construed to permit a Contracting State to decline to supply information solely because the information is held by a bank, other financial institution, nominee or person acting in an agency or a fiduciary capacity or because it relates to ownership interests in a person.

ARTICLE 27

Assistance in the Collection of Taxes

1. The Contracting States shall lend assistance to each other in the collection of revenue claims. This assistance is not restricted by Articles 1 and 2. The competent authorities of the Contracting States may by mutual agreement settle the mode of application of this Article.

2. The term "revenue claim" as used in this Article means an amount owed in respect of taxes of every kind and description imposed on behalf of the Contracting States, or of their political subdivisions or local authorities, insofar as the taxation thereunder is not contrary to this Agreement or any other instrument to which the Contracting States are parties, as well as interest, administrative penalties and costs of collection or conservancy related to such amount.

3. When a revenue claim of a Contracting State is enforceable under the laws of that State and is owed by a person who, at that time, cannot, under the laws of that State, prevent its collection, that revenue claim shall, at the request of the competent authority of that State, be accepted for purposes of collection by the competent authority of the other Contracting State. That revenue claim shall be collected by that other State in accordance with the provisions of its laws applicable to the enforcement and collection of its own taxes as if the revenue claim were a revenue claim of that other State.

4. When a revenue claim of a Contracting State is a claim in respect of which that State may, under its law, take measures of conservancy with a view to ensure its collection, that revenue claim shall, at the request of the competent authority of that State, be accepted for purposes of taking measures of conservancy by the competent authority of the other Contracting State. That other State shall take measures of conservancy in respect of that revenue claim in accordance with the provisions of its laws as if the revenue claim were a revenue claim of that other State even if, at the time when such measures are applied, the revenue claim is not enforceable in the first-mentioned State or is owed by a person who has a right to prevent its collection.

5. Notwithstanding the provisions of paragraphs 3 and 4, a revenue claim accepted by a Contracting State for purposes of paragraph 3 or 4 shall not, in that State, be subject to the time limits or accorded any priority applicable to a revenue claim under the laws of that State by reason of its

nature as such. In addition, a revenue claim accepted by a Contracting State for the purposes of paragraph 3 or 4 shall not, in that State, have any priority applicable to that revenue claim under the laws of the other Contracting State.

6. Proceedings with respect to the existence, validity or the amount of a revenue claim of a Contracting State shall not be brought before the courts or administrative bodies of the other Contracting State.

7. Where, at any time after a request has been made by a Contracting State under paragraph 3 or 4 and before the other Contracting State has collected and remitted the relevant revenue claim to the first-mentioned State, the relevant revenue claim ceases to be

   (a) in the case of a request under paragraph 3, a revenue claim of the first-mentioned State that is enforceable under the laws of that State and is owed by a person who, at that time, cannot, under the laws of that State, prevent its collection, or

   (b) in the case of a request under paragraph 4, a revenue claim of the first-mentioned State in respect of which that State may, under its laws, take measures of conservancy with a view to ensure its collection

   the competent authority of the first-mentioned State shall promptly notify the competent authority of the other State of that fact and, at the option of the other State, the first-mentioned State shall either suspend or withdraw its request.

8. In no case shall the provisions of this Article be construed so as to impose on a Contracting State the obligation:

   (a) to carry out administrative measures at variance with the laws and administrative practice of that or of the other Contracting State;

   (b) to carry out measures which would be contrary to public policy *(ordre public)*;

   (c) to provide assistance if the other Contracting State has not pursued all reasonable measures of collection or conservancy, as the case may be, available under its laws or administrative practice;

(d) to provide assistance in those cases where the administrative burden for that State is clearly disproportionate to the benefit to be derived by the other Contracting State.

ARTICLE 28

Members of Diplomatic Missions and Consular Posts

Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of members of diplomatic missions or consular posts under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

ARTICLE 29

Entry into Force

1. Each Contracting State shall notify to the other Contracting State the completion of the procedures required by its law for the bringing into force of this Agreement. This Agreement shall enter into force on the date of the later of these notifications.

2. This Agreement shall have effect:

   (a) in Viet Nam:

      (i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amount paid on or after 1 January of the calendar year next following that in which the Agreement enters into force;

      (ii) in respect of other Vietnamese taxes, in relation to income, profits or gains arising on or after 1 January of the calendar year next following that in which the Agreement enters into force;

   (b) in Turkey:

      for taxes with respect to every taxable period beginning on or after the first day of January of the year following that of entry into force of the Agreement.

ARTICLE 30

Termination

This Agreement shall remain in force until terminated by a Contracting State. Either Contracting State may terminate the Agreement, through diplomatic channels, by giving notice of termination at least six months before the end of any calendar year beginning after the expiration of five years from the date of entry into force of the Agreement. In such event, the Agreement shall cease to have effect:

(a) in Viet Nam:

(i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amount paid on or after 1 January of the calendar year next following that in which the notice is given;

(ii) in respect of other Vietnamese taxes, in relation to income, profits or gains arising on or after 1 January of the calendar year next following that in which the notice is given;

(b) in Turkey:

for taxes with respect to every taxable period beginning on or after the first day of January of the year following that in which the notice is given.

IN WITNESS WHEREOF the undersigned, being duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Agreement.

DONE in duplicate at Ankara, this 8th day of July 2014, in the Vietnamese, Turkish and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence between the texts, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Do Hoang Anh Tuan
Deputy Minister of Finance

FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF TURKEY

Abdullah Erdem CANTİMUR
Deputy Minister of Finance

PROTOCOL

At the moment of signing the Agreement for the Avoidance of Double Taxation and the Prevention of Fiscal Evasion with respect to taxes on income, this day concluded between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Turkey, the undersigned have agreed that the following provisions shall form an integral part of the Agreement.

With reference to paragraph 3 (a) of Article 5:

In the event that pursuant to any other agreement concluded after the date of signature of this Agreement by Viet Nam with a country, Viet Nam agrees in provisions that correspond to paragraph 3 (a) of Article 5 (Permanent Establishment) of this Agreement to a time period that is longer than that provided in this paragraph, then longest time period shall apply for the purpose of paragraph 3 (a) of Article 5 with effect from the date on which the longest time period under such other agreement becomes effective.

With reference to paragraph 3 of Article 10:

It is understood that the term "dividends" in the case of Turkey shall also include the income from investment funds and investment trust.

With reference to Article 10:

If Viet Nam after 23 October 2009 has signed an Agreement for the avoidance of double taxation with a member state of the Organisation for Economic Cooperation and Development which provides for lower rate on dividend (including a zero rate) then these lower rates will apply to residents of Turkey.

IN WITNESS WHEREOF the undersigned, being duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Protocol.

DONE in duplicate at Ankara, this 8th day of July 2014, in the Vietnamese, Turkish and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence between the texts, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Do Hoang Anh Tuan
Deputy Minister of Finance

FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF TURKEY

Abdullah Erdem CANTİMUR
Deputy Minister of Finance

VİETNAM SOSYALİST CUMHURİYETİ HÜKÜMETİ

İLE

TÜRKİYE CUMHURİYETİ HÜKÜMETİ

ARASINDA

GELİR ÜZERİNDEN ALINAN VERGİLERDE

ÇİFTE VERGİLENDİRMEYİ ÖNLEME

VE

VERGİ KAÇAKÇILIĞINA ENGEL OLMA ANLAŞMASI

Vietnam Sosyalist Cumhuriyeti Hükümeti ve Türkiye Cumhuriyeti Hükümeti,

Gelir üzerinden alınan vergilerde çifte vergilendirmeyi önleyen ve vergi kaçakçılığına engel olan bir Anlaşma yapmak isteğiyle,

Aşağıdaki anlaşmaya varmışlardır:

MADDE 1

Kapsanan Kişiler

Bu Anlaşma, Akit Devletlerden birinin veya her ikisinin mukimi olan kişilere uygulanacaktır.

MADDE 2

Kapsanan Vergiler

1. Bu Anlaşma, ne şekilde alındığına bakılmaksızın, bir Akit Devlet veya politik alt bölümleri ya da mahalli idareleri adına gelir üzerinden alınan vergilere uygulanacaktır.

2. Menkul veya gayrimenkul varlıkların devrinden doğan kazançlara uygulanan vergiler ile teşebbüsler tarafından ödenen ücret ya da maaşların toplam tutarı üzerinden alınan vergiler de dahil olmak üzere toplam gelir veya gelirin unsurları üzerinden alınan tüm vergiler, gelir üzerinden alınan vergiler olarak kabul edilecektir.

3. Anlaşmanın uygulanacağı mevcut vergiler:

   (a) Vietnam'da:

      (i) şahsi gelir vergisi; ve

      (ii) işletme gelir vergisi;

      (Bundan böyle "Vietnam vergisi" olarak bahsedilecektir);

   (b) Türkiye'de:

      (i) gelir vergisi; ve

      (ii) kurumlar vergisi;

      (Bundan böyle "Türk vergisi" olarak bahsedilecektir).

4. Anlaşma aynı zamanda, Anlaşmanın imza tarihinden sonra mevcut vergilere ilave olarak veya onların yerine alınan ve mevcut vergilerle aynı nitelikte olan veya onlara önemli ölçüde benzeyen vergilere de uygulanacaktır. Akit Devletlerin yetkili makamları, ilgili vergi mevzuatlarında yapılan önemli değişiklikleri birbirlerine bildireceklerdir.

MADDE 3

Genel Tanımlar

1. Bu Anlaşmanın amaçları yönünden, metin aksini gerektirmedikçe:

(a) "Vietnam" terimi, coğrafi anlamda kullanıldığında, kara ülkesini, adalarını, iç sularını, karasularını ve bunların üzerinde bulunan hava sahasını, bunun yanı sıra doğal kaynakların aranması, işletilmesi veya korunması amacıyla ulusal mevzuata ve uluslararası hukuka uygun olarak üzerinde yargı yetkisine veya egemenlik haklarına ya da egemenliğe sahip olduğu deniz yatağı ve deniz altı dahil olmak üzere karasularının ötesindeki deniz alanını ifade eder;

(b) "Türkiye" terimi, kara ülkesini, iç sularını, karasularını ve bunların üzerindeki hava sahasını, aynı zamanda, canlı veya cansız doğal kaynakların araştırılması, işletilmesi ve korunması amacıyla Türkiye'nin uluslararası hukuka uygun olarak üzerinde egemen hak ve yetkilere sahip olduğu deniz alanlarını ifade eder;

(c) "bir Akit Devlet" ve "diğer Akit Devlet" terimleri metnin gereğine göre, Vietnam veya Türkiye anlamına gelir;

(d) "kişi" terimi, bir gerçek kişiyi, bir şirketi ve kişilerin oluşturduğu diğer herhangi bir kuruluşu kapsamına alır;

(e) "şirket" terimi, herhangi bir kurum veya vergileme yönünden kurum olarak muamele gören herhangi bir kuruluş anlamına gelir;

(f) "bir Akit Devlet teşebbüsü" ve "diğer Akit Devlet teşebbüsü" terimleri sırasıyla, bir Akit Devletin mukimi tarafından işletilen bir teşebbüs ve diğer Akit Devletin mukimi tarafından işletilen bir teşebbüs anlamına gelir;

(g) "vatandaşlar" terimi:

(i) bir Akit Devletin vatandaşlığına sahip tüm gerçek kişileri;

(ii) bir Akit Devlette yürürlükte olan mevzuata göre statü kazanan tüm tüzel kişileri, ortaklık ve birlikleri ifade eder;

(h) "uluslararası trafik" terimi, yalnızca diğer Akit Devletin sınırları içinde bulunan yerler arasında yapılan gemi veya uçak işletmeciliği

hariç olmak üzere, bir Akit Devlet teşebbüsü tarafından gemi veya uçak işletilerek yapılan her türlü taşımacılığı ifade eder;

(i) "yetkili makam" terimi:

(i) Vietnam bakımından, Maliye Bakanını veya onun yetkili temsilcisini; ve

(ii) Türkiye bakımından, Maliye Bakanını veya onun yetkili temsilcisini ifade eder.

2. Anlaşmanın bir Akit Devlet tarafından herhangi bir tarihte uygulanması bakımından, Anlaşmada tanımlanmamış herhangi bir terim, metin aksini gerektirmedikçe, bu Anlaşmanın uygulandığı vergilerin amaçları bakımından, o tarihte bu Devletin mevzuatında sahip olduğu anlamı taşıyacak ve bu Devletin yürürlükteki vergi mevzuatında yer alan herhangi bir anlam, bu Devletin diğer mevzuatında bu terime verilen anlama göre üstünlük taşıyacaktır.

MADDE 4

Mukim

1. Bu Anlaşmanın amaçları bakımından, "bir Akit Devletin mukimi" terimi, bu Devlet, herhangi bir politik alt bölümü veya mahalli idaresi de dahil olmak üzere, o Devletin mevzuatı gereğince ev, ikametgah, yönetim yeri, kayıtlı olduğu yer veya benzer yapıda diğer herhangi bir kriter nedeniyle burada vergiye tabi olan herhangi bir kişi anlamına gelir. Ancak bu terim, yalnızca o Devletteki kaynaklardan elde edilen gelir nedeniyle o Devlette vergiye tabi tutulan herhangi bir kişiyi kapsamaz.

2. 1 inci fıkra hükümleri dolayısıyla bir gerçek kişi her iki Akit Devletin de mukimi olduğunda, bu kişinin durumu aşağıdaki şekilde belirlenecektir:

   (a) bu kişi, yalnızca daimi olarak kalabileceği bir evin bulunduğu Devletin mukimi kabul edilecektir; eğer bu kişinin her iki Devlette de daimi olarak kalabileceği bir evi varsa, bu kişi yalnızca kişisel ve ekonomik ilişkilerinin daha yakın olduğu (hayati menfaatlerin merkezi olan) Devletin mukimi kabul edilecektir;

   (b) eğer kişinin hayati menfaatlerinin merkezinin yer aldığı Devlet saptanamazsa veya her iki Devlette de daimi olarak kalabileceği bir evi yoksa, bu kişi yalnızca kalmayı adet edindiği evin bulunduğu Devletin mukimi kabul edilecektir;

   (c) eğer kişinin her iki Devlette de kalmayı adet edindiği bir ev varsa veya her iki Devlette de böyle bir ev söz konusu değilse, bu kişi yalnızca vatandaşı olduğu Devletin mukimi kabul edilecektir;

   (d) eğer kişi her iki Devletin de vatandaşıysa veya her iki Devletin de vatandaşı değilse, Akit Devletlerin yetkili makamları sorunu karşılıklı anlaşmayla çözeceklerdir.

3. Gerçek kişi dışındaki bir kişinin 1 inci fıkra hükümleri dolayısıyla her iki Akit Devletin de mukimi olduğu durumda, bu kişi yalnızca kayıtlı olduğu yerin bulunduğu Devletin mukimi olarak kabul edilecektir.

MADDE 5

İş Yeri

1. Bu Anlaşmanın amaçları bakımından "iş yeri" terimi, bir teşebbüsün işinin tamamen veya kısmen yürütüldüğü işe ilişkin sabit bir yer anlamına gelir.

2. "İş yeri" terimi özellikle şunları kapsamına alır:

   (a) yönetim yeri;

   (b) şube;

   (c) büro;

   (d) fabrika;

   (e) atölye;

   (f) maden ocağı, petrol veya doğal gaz kuyusu, taş ocağı veya doğal kaynakların çıkarıldığı diğer herhangi bir yer; ve

   (g) başkaları için depolama hizmeti veren bir kişiye ait depo.

3. "İş yeri" terimi aşağıdakileri de kapsar:

   (a) altı ayı aşan bir süre devam eden bir inşaat şantiyesi, yapım, montaj veya kurma projesi veya bunlarla bağlantılı gözetim faaliyetleri;

   (b) bir teşebbüs tarafından, çalışanları veya teşebbüs tarafından bu amaçla görevlendirilen diğer personel aracılığıyla ifa edilen ve hizmetin ifa edildiği ülkede herhangi bir on iki aylık dönemde toplam altı ayı aşan bir süre veya sürelerde devam eden (aynı veya bağlı proje için) danışmanlık hizmetleri dahil, hizmet tedarikleri.

4. Bu maddenin daha önceki hükümleri ile bağlı kalınmaksızın, "iş yeri" teriminin aşağıdaki hususları kapsamadığı kabul edilecektir:

   (a) tesislerin, teşebbüse ait malların veya ticari eşyanın yalnızca depolanması, teşhiri veya teslimi amacıyla kullanılması;

(b) teşebbüse ait mal veya ticari eşya stoklarının, yalnızca depolama, teşhir veya teslim amacıyla elde tutulması;

(c) teşebbüse ait mal veya ticari eşya stoklarının, yalnızca bir başka teşebbüse işlettirilmesi amacıyla elde tutulması;

(d) işe ilişkin sabit bir yerin, yalnızca teşebbüse mal veya ticari eşya satın alma veya bilgi toplama amacıyla elde tutulması;

(e) işe ilişkin sabit bir yerin teşebbüs için yalnızca hazırlayıcı veya yardımcı nitelik taşıyan diğer herhangi bir işin yürütülmesi amacıyla elde tutulması;

(f) işe ilişkin sabit bir yerin yalnızca, (a) ile (e) bentleri arasında bahsedilen faaliyetlerin bir ya da birkaçını bir arada icra etmek için elde tutulması; ancak söz konusu faaliyetlerin bir arada yürütülmesi sonucunda işe ilişkin sabit yerde oluşan bütün bu faaliyetlerin hazırlayıcı veya yardımcı nitelikte olması şarttır.

5. 1 inci ve 2 nci fıkra hükümleri ile bağlı kalınmaksızın, bir kişi - 6 ncı fıkranın uygulanacağı bağımsız nitelikteki bir acente dışında - bir Akit Devlette, diğer Akit Devletin bir teşebbüsü adına hareket eder ve o teşebbüs adına sözleşme akdetme yetkisine sahip olup, bu yetkisini mutaden kullanırsa, bu kişinin faaliyetleri, 4 üncü fıkrada belirtilen ve anılan fıkra hükümlerine göre işe ilişkin sabit bir yer aracılığıyla yürütüldüğünde, bu sabit yere iş yeri mahiyeti kazandırmayan faaliyetlerle sınırlı olmadıkça, bu teşebbüs, ilk bahsedilen Akit Devlette söz konusu kişinin teşebbüs için gerçekleştirdiği her türlü faaliyet dolayısıyla bir iş yerine sahip kabul edilecektir.

6. Bir teşebbüs, bir Akit Devlette, işlerini yalnızca bir simsar, genel komisyon acentesi veya bağımsız statüde diğer herhangi bir acente vasıtasıyla yürüttüğü için bu Devlette bir iş yerine sahip kabul edilmeyecektir; şu kadar ki, bu kişilerin kendi işlerine olağan şekilde devam etmeleri şarttır. Bununla birlikte, söz konusu acentenin faaliyetlerinin tamamını bu teşebbüs adına hasretmesi halinde, bu fıkrada belirtilen anlamda bağımsız statüde bir acente olarak kabul edilmeyecektir.

7. Bir Akit Devletin mukimi olan bir şirket, diğer Akit Devletin mukimi olan veya bu diğer Devlette ticari faaliyette bulunan (bir iş yeri vasıtasıyla veya diğer bir şekilde) bir şirketi kontrol eder ya da onun

tarafından kontrol edilirse, bu şirketlerden herhangi biri diğeri için bir iş yeri oluşturmayacaktır.

MADDE 6

Gayrimenkul Varlıklardan Elde Edilen Gelir

1. Bir Akit Devlet mukiminin diğer Akit Devlette bulunan gayrimenkul varlıklardan elde ettiği gelir (tarım veya ormancılıktan elde edilen gelir dahil), bu diğer Devlette vergilendirilebilir.

2. "Gayrimenkul varlık" terimi, söz konusu varlığın bulunduğu Akit Devletin mevzuatına göre tanımlanacaktır. Bu terim her halükarda, gayrimenkul varlığa müteferri varlıkları, tarım (balık üretimi ve yetiştiriciliği dahil) ve ormancılıkta kullanılan hayvanları ve araçları, özel hukuk hükümlerinin uygulanacağı gayrimenkul mülkiyetine ilişkin hakları, gayrimenkul intifa haklarını ve maden ocaklarının, kaynakların ve diğer doğal kaynakların işletilmesi veya işletme hakkı karşılığında doğan sabit ya da değişken ödemeler üzerindeki hakları kapsayacak; gemiler, vapurlar ve uçaklar gayrimenkul varlık olarak kabul edilmeyecektir.

3. 1 inci fıkra hükümleri, gayrimenkul varlığın doğrudan kullanımından, kiralanmasından veya diğer herhangi bir şekilde kullanımından elde edilen gelire uygulanacaktır.

4. 1 inci ve 3 üncü fıkra hükümleri aynı zamanda, bir teşebbüsün gayrimenkul varlıklarından elde edilen gelir ile serbest meslek faaliyetlerinin icrasında kullanılan gayrimenkul varlıklardan elde edilen gelire de uygulanacaktır.

MADDE 7

Ticari Kazançlar

1. Bir Akit Devlet teşebbüsüne ait kazanç, söz konusu teşebbüs diğer Akit Devlette yer alan bir iş yeri vasıtasıyla ticari faaliyette bulunmadıkça, yalnızca bu Devlette vergilendirilecektir. Eğer teşebbüs yukarıda bahsedilen şekilde ticari faaliyette bulunursa, teşebbüsün kazançları, yalnızca bu iş yerine atfedilebilen miktarla sınırlı olmak üzere bu diğer Devlette vergilendirilebilir.

2. 3 üncü fıkra hükümleri saklı kalmak üzere, bir Akit Devlet teşebbüsü diğer Akit Devlette yer alan bir iş yeri vasıtasıyla ticari faaliyette bulunduğunda, her iki Akit Devlette de bu iş yerine atfedilecek kazanç, bu iş yeri aynı veya benzer koşullar altında, aynı veya benzer faaliyetlerde bulunan ayrı ve bağımsız bir teşebbüs olsaydı ve iş yerini oluşturduğu teşebbüsten tamamen bağımsız bir nitelik kazansaydı ne kazanç elde edecek ise aynı miktarda bir kazanç olacaktır.

3. Bir iş yerinin kazancı belirlenirken, iş yerinin bulunduğu Devlette veya başka yerde yapılan, yönetim ve genel idare giderleri de dahil olmak üzere iş yerinin faaliyet amaçlarına uygun olan giderlerin indirilmesine müsaade edilecektir. Bununla birlikte, iş yeri tarafından teşebbüsün ana merkezine veya diğer herhangi bir bürosuna, patentlerin veya diğer hakların kullanılması karşılığında gayrimaddi hak bedeli, ücret veya diğer benzeri ödemelerin yapılması; verilen belirli hizmetler veya yönetim karşılığında komisyon ödenmesi; bankacılık teşebbüsleri hariç olmak üzere, iş yerine verilen ödünç para nedeniyle faiz ödenmesi halinde, söz konusu meblağın gider olarak indirilmesine (gerçek giderlerin geri ödenmesi hariç) müsaade edilmeyecektir. Benzer şekilde, iş yeri tarafından teşebbüsün ana merkezi veya diğer herhangi bir bürosundan patentlerin veya diğer hakların kullanılması karşılığında alınan gayrimaddi hak bedeli, ücret veya diğer benzeri ödemeler; verilen belirli hizmetler veya yönetim karşılığında alınan komisyonlar; bankacılık teşebbüsleri hariç olmak üzere, teşebbüsün ana merkezine veya diğer herhangi bir bürosuna verilen ödünç paralar karşılığında alınan faizler iş yerinin kazancının belirlenmesinde (gerçek giderlerin geri ödenmesi hariç) dikkate alınmayacaktır.

4. Bir iş yerine, bu iş yeri tarafından teşebbüs adına yalnızca mal veya ticari eşya satın alınması dolayısıyla hiç bir kazanç atfedilmeyecektir.

5. Bir Akit Devlette bir iş yerine atfedilebilen kazancın, teşebbüs toplam kazancının muhtelif birimlere paylaştırılması esasına göre belirlenmesi mutat olduğu takdirde, 2 nci fıkrada öngörülen hiçbir hüküm, bu Akit Devletin, vergilendirilebilir kazancı mutaden uyguladığı böyle bir paylaştırma yöntemi ile belirlemesine engel olmayacaktır. Bununla beraber, uygulanacak paylaştırma yöntemi öyle olacaktır ki, sonuç bu maddede belirlenen prensiplere uygun olacaktır.

6. Bundan önceki fıkraların amaçları bakımından, bir iş yerine atfedilen kazanç, aksine makul ve geçerli bir neden olmadıkça her yıl aynı yöntemle belirlenecektir.

7. Kazanç, bu Anlaşmanın diğer maddelerinde ayrı olarak düzenlenen gelir unsurlarını da kapsamına aldığında, o maddelerin hükümleri bu madde hükümlerinden etkilenmeyecektir.

MADDE 8

Deniz ve Hava Taşımacılığı

1. Bir Akit Devlet teşebbüsünün uluslararası trafikte gemi veya uçak işletmeciliğinden elde ettiği kazanç, yalnızca bu Akit Devlette vergilendirilecektir.

2. Bu maddenin amaçları bakımından, bir Akit Devlet teşebbüsünün uluslararası trafikte gemi veya uçak işletmeciliğinden elde ettiği kazançlar, 1 inci fıkra hükümlerinin uygulanacağı kazançların yanı sıra arızi olarak elde edilmeleri koşuluyla, konteynerlerin kullanımından ya da kiralanmasından elde edilen kazançları da kapsayacaktır.

3. 1 inci fıkra hükümleri aynı zamanda, bir ortaklığa (pool), bir ortak girişime veya uluslararası faaliyet gösteren bir acenteye iştirak dolayısıyla elde edilen kazançlara da uygulanacaktır.

MADDE 9

Bağımlı Teşebbüsler

1.

(a) Bir Akit Devlet teşebbüsü doğrudan veya dolaylı olarak diğer Akit Devlet teşebbüsünün yönetim, kontrol veya sermayesine katıldığında, veya

(b) Aynı kişiler doğrudan veya dolaylı olarak bir Akit Devlet teşebbüsünün ve diğer Akit Devlet teşebbüsünün yönetim, kontrol veya sermayesine katıldığında,

ve her iki halde de, iki teşebbüs arasındaki ticari veya mali ilişkilerde oluşan veya oluşturulan koşullar, bağımsız teşebbüsler arasında oluşması gereken koşullardan farklılaştığında, bu şartlar altında, teşebbüslerden birisinde olması gereken, fakat bu koşullar nedeniyle kendini göstermeyen kazanç, o teşebbüsün kazancına eklenir ve buna göre vergilendirilebilir.

2. Bir Akit Devletin kendi teşebbüsünün kazancına dahil edip vergilendirdiği kazancın, diğer Akit Devlette vergilendirilen diğer Devletin bir teşebbüsünün kazancını içermesi ve aynı zamanda ilk bahsedilen Devletin kavradığı bu kazancın, iki bağımsız teşebbüs arasında olması gereken koşullar göz önünde tutularak, bu ilk Devlet tarafından, kendi teşebbüsünde kendisini göstermesi gereken kazanç olduğunun iddia edilmesi durumunda, diğer Devlet bu belirlemenin yerinde olduğu kanaatine varırsa, söz konusu kazanç üzerinden alınan verginin miktarında gerekli düzeltmeleri yapacaktır. Bu düzeltme yapılırken, bu Anlaşmanın diğer hükümleri göz önünde tutulacak ve gerektiğinde Akit Devletlerin yetkili makamları birbirlerine danışacaklardır.

MADDE 10

Temettüler

1. Bir Akit Devletin mukimi olan bir şirket tarafından diğer Akit Devletin bir mukimine ödenen temettüler, bu diğer Devlette vergilendirilebilir.

2. Bununla beraber söz konusu temettüler, temettüyü ödeyen şirketin mukim olduğu Akit Devlette ve o Devletin mevzuatına göre de vergilendirilebilir; ancak, temettü elde eden kişi temettünün gerçek lehtarı ise, bu şekilde alınacak vergi:

   (a) gerçek lehtar, temettü ödeyen şirketin sermayesinin doğrudan doğruya en az yüzde 50 sini elinde tutan bir şirket (ortaklık hariç) ise ya da temettü ödeyen şirketin sermayesine 10 milyon ABD Dolarından veya Türk ya da Vietnam para biriminde buna eşdeğer tutardan daha fazla yatırım yapmış bir şirket ise gayrisafi temettü tutarının yüzde 5 ini;

   (b) gerçek lehtar, temettü ödeyen şirketin sermayesinin, yüzde 50 sinden az olmak üzere, doğrudan veya dolaylı olarak en az yüzde 25 ini elinde tutan bir şirket ise gayrisafi temettü tutarının yüzde 10 unu;

   (c) diğer tüm durumlarda gayrisafi temettü tutarının yüzde 15 ini aşmayacaktır.

   Bu fıkra, içinden temettü ödemesi yapılan kazançlar yönünden şirketin vergilendirilmesini etkilemeyecektir.

3. Bu maddede kullanılan "temettü" terimi, hisse senetlerinden, intifa senetlerinden veya intifa haklarından, madencilik hisselerinden, kurucu hisse senetlerinden veya alacak niteliğinde olmayıp kazanca katılmayı sağlayan diğer haklardan elde edilen gelirleri, bunun yanı sıra, dağıtımı yapan şirketin mukim olduğu Devletin mevzuatına göre, vergileme yönünden hisse senetlerinden elde edilen gelirle aynı muameleyi gören diğer şirket haklarından elde edilen gelirleri ifade eder.

4. Bir Akit Devlet mukimi olan temettünün gerçek lehtarı, temettü ödeyen şirketin mukim olduğu diğer Akit Devlette yer alan bir iş yeri vasıtasıyla ticari faaliyette bulunursa veya bu diğer Devlette yer alan sabit bir yer vasıtasıyla serbest meslek faaliyeti icra ederse ve söz konusu temettülerin elde edilmesi ile bu iş yeri veya sabit yer arasında etkin bir

bağ bulunmaktaysa, 1 inci ve 2 nci fıkra hükümleri uygulanmayacaktır. Bu durumda, olayına göre 7 nci veya 14 üncü madde hükümleri uygulanacaktır.

5. Diğer Akit Devlette yer alan bir iş yeri vasıtasıyla ticari faaliyette bulunan bir Akit Devlet şirketinin kazancı 7 nci maddeye göre vergilendirildikten sonra, kalan kısım üzerinden bu iş yerinin bulunduğu Akit Devlette vergilendirilebilir. Bu şekilde alınan vergi yüzde 5 i aşmayacaktır.

6. Bu maddenin 5 inci fıkra hükümleri saklı kalmak üzere, bir Akit Devlet mukimi olan bir şirket, diğer Akit Devletten kazanç veya gelir elde ettiğinde, bu diğer Devlet, temettülerin kendi mukimlerinden birine ödenmesi veya temettü elde edilmesi ile bu diğer Devlette bulunan bir iş yeri veya sabit yer arasında etkin bir bağ bulunması durumları hariç olmak üzere, bu şirket tarafından ödenen temettüler üzerinden herhangi bir vergi alamayacağı gibi, ödenen temettülerin veya dağıtılmamış kazancın tamamen veya kısmen bu diğer Devlette elde edilen kazanç veya gelirden oluşması durumunda bile, bu şirketin dağıtılmayan kazançları üzerinden dağıtılmayan kazançlara uygulanan bir vergi alamaz.

MADDE 11

Faiz

1. Bir Akit Devlette doğan ve diğer Akit Devletin bir mukimine ödenen faiz, bu diğer Devlette vergilendirilebilir.

2. Bununla beraber bu faiz, elde edildiği Akit Devlette ve o Devletin mevzuatına göre de vergilendirilebilir; ancak, faiz elde eden kişi faizin gerçek lehtarı ise, bu şekilde alınacak vergi, faizin gayrisafi tutarının yüzde 10 unu aşmayacaktır.

3. 2 nci fıkra hükümlerine bakılmaksızın:

   (a) Vietnam'da doğan ve Türkiye Hükümeti'ne veya Türkiye Merkez Bankası'na ödenen faizler, Vietnam vergilerinden istisna edilecektir;

   (b) Türkiye'de doğan ve Vietnam Hükümeti'ne veya Vietnam Devlet Bankası'na ödenen faizler, Türk vergisinden istisna edilecektir.

4. Bu maddede kullanılan "faiz" terimi, ipotek garantisine bağlı olsun olmasın ve borçlunun kazancına katılma hakkı tanısın tanımasın, her nevi alacaktan doğan gelirleri ve özellikle kamu menkul kıymetleri ile tahvil veya borç senetlerine ilişkin prim ve ikramiyeler dahil olmak üzere, söz konusu menkul kıymet, tahvil veya borç senetlerinden elde edilen gelirleri ifade eder.

5. Bir Akit Devlet mukimi olan faizin gerçek lehtarı, faizin elde edildiği diğer Akit Devlette bulunan bir iş yeri vasıtasıyla ticari faaliyette bulunursa veya bu diğer Devlette yer alan sabit bir yer vasıtasıyla serbest meslek faaliyeti icra ederse ve söz konusu faizin ödendiği alacak ile bu iş yeri veya sabit yer arasında etkin bir bağ bulunmaktaysa, 1 inci, 2 nci ve 3 üncü fıkra hükümleri uygulanmayacaktır. Bu durumda, olayına göre, 7 nci veya 14 üncü madde hükümleri uygulanacaktır.

6. Bir Akit Devletin kendisi, politik alt bölümü, mahalli idaresi veya bu Devletin bir mukimi tarafından ödenen faizin, o Devlette elde edildiği kabul olunacaktır. Bununla beraber, faiz ödeyen kişi, bir Akit Devletin mukimi olsun veya olmasın, bir Akit Devlette faiz ödemeye neden olan borç-alacak ilişkisiyle bağlantılı bir iş yerine veya sabit yere sahip olduğunda ve faiz bu iş yeri veya sabit yerden kaynaklandığında, söz konusu faizin iş yerinin veya sabit yerin bulunduğu Devlette elde

edildiği kabul olunacaktır.

7. Alacak karşılığında ödenen faizin miktarı, ödeyici ile gerçek lehtar arasında veya her ikisi ile bir başka kişi arasında var olan özel ilişki nedeniyle, böyle bir ilişkinin olmadığı durumda ödeyici ve gerçek lehtar arasında kararlaştırılacak miktarı aştığında, bu madde hükümleri yalnızca en son bahsedilen miktara uygulanacaktır. Bu durumda ödemelerin aşan kısmı, bu Anlaşmanın diğer hükümleri de dikkate alınarak, her bir Akit Devletin mevzuatına göre vergilendirilecektir.

MADDE 12

Gayrimaddi Hak Bedelleri

1. Bir Akit Devlette doğan ve diğer Akit Devletin bir mukimine ödenen gayrimaddi hak bedelleri, bu diğer Akit Devlette vergilendirilebilir.

2. Bununla beraber, söz konusu gayrimaddi hak bedelleri elde edildikleri Akit Devlette ve o Devletin mevzuatına göre de vergilendirilebilir; ancak gayrimaddi hak bedeli elde eden kişi gayrimaddi hak bedelinin gerçek lehtarı ise, bu şekilde alınacak vergi gayrimaddi hak bedelinin gayrisafi tutarının yüzde 10 unu aşmayacaktır.

3. Bu maddede kullanılan "gayrimaddi hak bedelleri" terimi, sinema filmleri ile radyo veya televizyon yayınlarında kullanılan filmler veya bantlar dahil olmak üzere edebi, sanatsal veya bilimsel her nevi telif hakkının, her nevi patentin, ticari markanın, desen veya modelin, planın, gizli formül veya üretim yönteminin veya sınai, ticari veya bilimsel teçhizatın kullanımı ya da kullanım hakkı karşılığında veya sınai, ticari veya bilimsel tecrübeye dayalı bilginin sağlanması karşılığında yapılan her türlü ödemeyi ifade eder.

4. Bir Akit Devlet mukimi olan gayrimaddi hak bedelinin gerçek lehtarı, gayrimaddi hak bedelinin elde edildiği diğer Akit Devlette yer alan bir iş yeri vasıtasıyla ticari faaliyette bulunursa veya bu diğer Devlette yer alan sabit bir yer vasıtasıyla serbest meslek faaliyeti icra ederse ve söz konusu bedelin ödendiği hak veya varlık ile bu iş yeri veya sabit yer arasında etkin bir bağ bulunmaktaysa, 1 inci ve 2 nci fıkra hükümleri uygulanmayacaktır. Bu durumda, olayına göre, 7 nci veya 14 üncü madde hükümleri uygulanacaktır.

5. Bir Akit Devletin kendisi, politik alt bölümü, mahalli idaresi veya bu Devletin bir mukimi tarafından ödenen gayrimaddi hak bedelinin o Devlette elde edildiği kabul olunacaktır. Bununla beraber, gayrimaddi hak bedelini ödeyen kişi bir Akit Devletin mukimi olsun veya olmasın, bir Akit Devlette gayrimaddi hak bedelini ödeme yükümlülüğü ile bağlantılı bir iş yerine veya sabit yere sahip olduğunda ve gayrimaddi hak bedeli bu iş yerinden veya sabit yerden kaynaklandığında, söz konusu gayrimaddi hak bedelinin iş yerinin veya sabit yerin bulunduğu Devlette elde edildiği kabul olunacaktır.

6. Kullanım, hak veya bilgi karşılığında ödenen gayrimaddi hak bedelinin miktarı, ödeyici ile gerçek lehtar arasında veya her ikisi ile bir başka kişi

arasında var olan özel ilişki nedeniyle, böyle bir ilişkinin olmadığı durumda ödeyici ile gerçek lehtar arasında kararlaştırılacak miktarı aştığında, bu madde hükümleri yalnızca en son bahsedilen miktara uygulanacaktır. Bu durumda ödemelerin aşan kısmı, bu Anlaşmanın diğer hükümleri de dikkate alınarak, her bir Akit Devletin mevzuatına göre vergilendirilecektir.

MADDE 13

Varlıkların Elden Çıkarılmasından Doğan Kazançlar

1. Bir Akit Devlet mukimince, diğer Akit Devlette yer alan ve 6 ncı maddenin 2 nci fıkrasında belirtilen gayrimenkul varlıkların elden çıkarılmasından sağlanan kazançlar, bu diğer Devlette vergilendirilebilir.

2. Bir Akit Devlet teşebbüsünün diğer Akit Devlette sahip olduğu bir iş yerinin ticari varlığına dahil menkul varlıkların veya bir Akit Devlet mukiminin diğer Akit Devlette serbest meslek faaliyeti icra etmek üzere kullandığı sabit bir yere ait menkul varlıkların elden çıkarılmasından doğan kazançlar, bu iş yerinin (tek olarak veya tüm teşebbüsle birlikte) ya da sabit yerin elden çıkarılmasından doğan kazanç da dahil olmak üzere, bu diğer Devlette vergilendirilebilir.

3. Bir Akit Devlet teşebbüsünce, uluslararası trafikte işletilen gemi ya da uçakların veya söz konusu gemi veya uçakların işletilmesiyle ilgili menkul varlıkların elden çıkarılmasından sağlanan kazançlar, yalnızca bu Devlette vergilendirilecektir.

4. Bir Akit Devlet mukimince, varlıkları tamamıyla veya esas itibariyle diğer Akit Devlette bulunan gayrimenkullerden oluşan bir şirketteki hisselerin ya da benzeri payların elden çıkarılmasından sağlanan kazançlar, bu diğer Devlette vergilendirilebilir.

5. 1, 2, 3 ve 4 üncü fıkralarda belirtilenlerin dışında kalan varlıkların elden çıkarılmasından doğan kazançlar, yalnızca elden çıkaranın mukim olduğu Akit Devlette vergilendirilecektir.

6. 5 inci fıkra hükümleri, Akit Devletlerden herhangi birinin, diğer Devletin bir mukiminin ilk bahsedilen Devletin mukimi olan bir şirket tarafından ihraç edilen hisse senetlerinin elden çıkarılmasından doğan kazançlarını, hisselerin gerçek lehtarının bu şirketin sermayesinin doğrudan yüzde 25 inden daha azını elinde tutması ve iktisap ve elden çıkarma arasındaki sürenin bir yılı aşmaması durumunda, kendi kanunlarına göre vergilendirme hakkını etkilemeyecektir.

MADDE 14

Serbest Meslek Faaliyetleri

1. Bir Akit Devlet mukiminin serbest meslek faaliyetleri veya bağımsız nitelikteki diğer faaliyetleri dolayısıyla elde ettiği gelir, yalnızca bu Devlette vergilendirilecektir. Bununla beraber, aşağıdaki durumlarda söz konusu gelir diğer Akit Devlette de vergilendirilebilir:

   (a) Kişi, diğer Akit Devlette faaliyetlerini icra etmek için sürekli kullanabileceği sabit bir yere sahip ise, bu durumda gelir yalnızca bu sabit yere atfedilebilen miktarla sınırlı olmak üzere bu diğer Akit Devlette vergilendirilebilir; veya

   (b) Eğer bu kişi, diğer Akit Devlette ilgili mali yıl içinde bir veya birkaç seferde toplam 183 gün veya daha uzun bir süre kalırsa, bu durumda yalnızca bu diğer Devlette icra ettiği faaliyetlerden elde ettiği gelir bu diğer Devlette vergilendirilebilir.

2. "Serbest meslek faaliyetleri" terimi, özellikle bağımsız olarak yürütülen bilimsel, edebi, sanatsal, eğitici veya öğretici faaliyetleri, bunun yanı sıra doktorların, avukatların, mühendislerin, mimarların, dişçilerin ve muhasebecilerin bağımsız faaliyetlerini kapsamına alır.

MADDE 15

Bağımlı Faaliyetler

1. 16, 18 ve 19 uncu maddelerin hükümleri saklı kalmak üzere, bir Akit Devlet mukiminin bir hizmet dolayısıyla elde ettiği maaş, ücret ve diğer benzeri gelirler, bu hizmet diğer Akit Devlette ifa edilmedikçe, yalnızca bu Devlette vergilendirilecektir. Hizmet diğer Akit Devlette ifa edilirse, buradan elde edilen söz konusu gelir bu diğer Devlette vergilendirilebilir.

2. 1 inci fıkra hükümlerine bakılmaksızın, bir Akit Devlet mukiminin diğer Akit Devlette ifa ettiği bir hizmet dolayısıyla elde ettiği gelir, eğer:

   (a) gelir elde eden kişi, diğer Devlette ilgili takvim yılı içinde başlayan veya sona eren herhangi bir on iki aylık dönemde bir veya bir kaç seferde toplam 183 günü aşmayan bir süre kalırsa, ve

   (b) ödeme, diğer Devletin mukimi olmayan bir işveren tarafından veya bu işveren adına yapılırsa, ve

   (c) ödeme, işverenin diğer Devlette sahip olduğu bir iş yerinden veya sabit yerden yapılmazsa

   yalnızca ilk bahsedilen Devlette vergilendirilecektir.

3. Bu maddenin önceki hükümlerine bakılmaksızın, bir Akit Devlet teşebbüsü tarafından uluslararası trafikte işletilen bir gemi veya uçakta ifa edilen bir hizmet dolayısıyla elde edilen gelir yalnızca bu Devlette vergilendirilecektir.

MADDE 16

Yöneticilere Yapılan Ödemeler

Bir Akit Devlet mukiminin, diğer Akit Devletin mukimi olan bir şirketin yönetim kurulu üyesi olması dolayısıyla elde ettiği ücret ve diğer benzeri ödemeler, bu diğer Devlette vergilendirilebilir.

MADDE 17

Sanatçı ve Sporcular

1. 14 ve 15 inci madde hükümlerine bakılmaksızın, bir Akit Devlet mukimi olan tiyatro, sinema, radyo veya televizyon sanatçısı gibi bir sanatçının ya da bir müzisyenin veya bir sporcunun diğer Akit Devlette bu sıfatla icra ettiği şahsi faaliyetleri dolayısıyla elde ettiği gelir, bu diğer Devlette vergilendirilebilir.

2. Bir sanatçının ya da sporcunun bu sıfatla icra ettiği şahsi faaliyetlerden doğan gelir, sanatçının veya sporcunun kendisi adına değil de bir başkası adına tahakkuk ederse, bu gelir 7, 14 ve 15 inci madde hükümlerine bakılmaksızın, sanatçı ya da sporcunun faaliyetlerinin icra edildiği Akit Devlette vergilendirilebilir.

3. 1 inci ve 2 nci fıkra hükümlerine bakılmaksızın, bir Akit Devlet mukimi olan sanatçı veya sporcular tarafından her iki Akit Devletin Hükümeti arasındaki kültürel değişim programı kapsamında diğer Akit Devletteki faaliyetlerden elde edilen gelirler, bu diğer Akit Devlette vergiden istisna edilecektir.

MADDE 18

Emekli Maaşları

1. 19 uncu maddenin 2 nci fıkrası hükümleri saklı kalmak üzere, bir Akit Devlet mukimine geçmiş çalışmaları karşılığında ödenen emekli maaşları ve diğer benzeri ödemeler yalnızca bu Devlette vergilendirilecektir. Bu hüküm, bir Akit Devlet mukimine yapılan düzenli ödemelere de uygulanacaktır.

2. "Düzenli ödeme" terimi, bir gerçek kişiye parasal veya parayla ölçülebilir bir menfaat karşılığında yeterli veya tam bir geri ödemede bulunma yükümlülüğüne bağlı olarak, bu kişinin yaşamı süresince veya belirli ya da belirlenebilir bir süre boyunca, belli zamanlarda, düzenli olarak ödenecek belirli bir meblağı ifade eder.

MADDE 19

Kamu Hizmeti

1. (a) Bir Akit Devlete, politik alt bölümüne veya mahalli idaresine bir gerçek kişi tarafından verilen hizmetler karşılığında, bu Devlet, alt bölüm veya idare tarafından yapılan ve emekli maaşı dışında kalan maaş, ücret ve diğer benzeri ödemeler, yalnızca bu Devlette vergilendirilecektir.

   (b) Bununla birlikte, hizmet diğer Akit Devlette ifa edilirse ve gerçek kişi bu diğer Devletin bir mukimi ise, söz konusu maaş, ücret ve diğer benzeri ödemeler yalnızca bu Devlette vergilendirilecektir. Ancak bu kişinin:

      (i) bu Devletin bir vatandaşı olması; veya

      (ii) yalnızca bu hizmeti ifa etmek için bu Devletin bir mukimi durumuna geçmemiş olması zorunludur.

2. (a) Bir Akit Devlete, politik alt bölümüne veya mahalli idaresine bir gerçek kişi tarafından verilen hizmetler karşılığında, bu Devlet, alt bölüm veya idare tarafından veya bunlarca oluşturulan fonlardan ödenen emekli maaşları, yalnızca bu Devlette vergilendirilecektir.

   (b) Bununla birlikte, gerçek kişinin diğer Akit Devletin bir mukimi ve vatandaşı olması halinde, söz konusu emekli maaşları yalnızca bu diğer Devlette vergilendirilecektir.

3. Bir Akit Devlet, politik alt bölümü veya mahalli idaresi tarafından yürütülen ticari faaliyetlerle bağlantılı hizmetler karşılığında yapılan maaş, ücret ve diğer benzeri ödemeler ile emekli maaşlarına 15, 16, 17 ve 18 inci madde hükümleri uygulanacaktır.

MADDE 20

Öğrenci ve Stajyerler

1. Bir Akit Devleti ziyareti sırasında veya hemen öncesinde diğer Akit Devletin mukimi olan ve ilk bahsedilen Devlette yalnızca öğrenim veya mesleki eğitim amacıyla bulunan bir öğrenci veya stajyere geçimini, öğrenimini veya mesleki eğitimini sağlayabilmesi için bu Devletin dışındaki kaynaklardan yapılan ödemeler, bu Devlette vergilendirilmeyecektir.

2. Bir Akit Devletin vatandaşı olan bir öğrenci veya çırağın, öğrenimi veya mesleği ile ilgili uygulama alışkanlıkları kazanmak üzere, diğer Akit Devlette bir takvim yılı içerisinde 183 günü aşmayacak süre veya sürelerde ifa ettiği hizmetler dolayısıyla elde ettiği gelirler, bu diğer Devlette vergilendirilmeyecektir.

MADDE 21

Öğretmenler, Profesörler ve Araştırmacılar

Bir Akit Devleti ziyareti sırasında veya hemen öncesinde diğer Akit Devletin mukimi olan ve ilk bahsedilen Devlette esas itibariyle bir üniversite, yüksek okul, okul veya ilk bahsedilen Akit Devletin Hükümeti tarafından tanınan eğitim ya da bilimsel araştırma kurumunda öğretim, ders vermek veya araştırma yapmak amacıyla bulunan bir gerçek kişinin, söz konusu öğretim, dersler veya araştırma dolayısıyla elde ettiği gelirler, bu kişinin ilk bahsedilen Akit Devlete ilk varış tarihinden itibaren iki yıllık bir süre için ilk bahsedilen Akit Devlette vergiden istisna edilecektir.

MADDE 22

Diğer Gelirler

1. Bir Akit Devlet mukiminin, nerede doğarsa doğsun, bu Anlaşmanın daha önceki maddelerinde ele alınmayan gelir unsurları, yalnızca bu Devlette vergilendirilecektir.

2. 6 ncı maddenin 2 nci fıkrasında tanımlanan gayrimenkul varlıklardan elde edilen gelir hariç olmak üzere, bir Akit Devlet mukimi olan söz konusu gelirin lehtarı, diğer Akit Devlette yer alan bir iş yeri vasıtasıyla ticari faaliyette bulunursa veya bu diğer Devlette yer alan sabit bir yer vasıtasıyla serbest meslek faaliyeti icra ederse ve gelirin ödendiği hak veya varlık ile bu iş yeri veya sabit yer arasında etkin bir bağ bulunmaktaysa, bu gelire 1 inci fıkra hükümleri uygulanmayacaktır. Bu durumda, olayına göre 7 nci veya 14 üncü madde hükümleri uygulanacaktır.

MADDE 23

Çifte Vergilendirmeyi Önleme Yöntemleri

1. Vietnam'da çifte vergilendirme aşağıdaki şekilde önlenecektir:

   (a) Bir Vietnam mukimi, Türkiye mevzuatı gereğince ve bu Anlaşmaya uygun olarak Türkiye'de vergilendirilebilen bir gelir, kazanç veya irat elde ettiğinde, Vietnam bu gelir, kazanç veya irat üzerindeki Vietnam vergisinden Türkiye'de ödenen vergiye eşit bir miktarın mahsubuna müsaade edecektir. Bununla beraber mahsup tutarı, Türkiye'de vergilendirilebilen gelire atfedilebilen, mahsuptan önce hesaplanan bu gelir, kazanç veya irat üzerindeki Vietnam vergisi tutarını aşmayacaktır.

   (b) Bir Vietnam mukimi, bu Anlaşma hükümlerine uygun olarak yalnızca Türkiye'de vergilendirilebilen bir gelir elde ettiğinde, Vietnam bu geliri, yalnızca, Vietnam'da vergilendirilebilen bunun gibi diğer gelirlere uygulanacak vergi oranının belirlenmesi amacıyla, vergi matrahına dahil edebilir.

2. Türkiye'de çifte vergilendirme aşağıdaki şekilde önlenecektir:

   (a) Bir Türkiye mukimi, bu Anlaşma'nın hükümlerine uygun olarak Vietnam'da vergilendirilebilen bir gelir elde ettiğinde, Türkiye yabancı vergilerin mahsubuna ilişkin Türk vergi mevzuatı hükümleri saklı kalmak üzere (bu hükümler Anlaşmanın genel prensiplerini etkilemeyecektir), bu kişinin gelirine isabet eden vergiden, Vietnam'da ödediği vergiye eşit bir miktarın mahsubuna müsaade edecektir.

   Bununla beraber söz konusu mahsup, Vietnam'da vergilendirilebilen gelire atfedilebilen, mahsuptan önce Türkiye'de hesaplanan gelir vergisi miktarını aşmayacaktır.

   (b) Bir Türkiye mukimi tarafından elde edilen gelir bu Anlaşmanın herhangi bir hükmü uyarınca Türkiye'de vergiden istisna edilirse, Türkiye bu mukimin geriye kalan geliri üzerinden alınacak vergi miktarını hesaplarken, istisna edilmiş olan bu geliri de dikkate alabilir.

3. Bu maddenin 4 üncü fıkrası saklı kalmak üzere, 2 nci fıkranın amaçları bakımından, "Vietnam'da gelir üzerinden ödenen vergi" teriminin

herhangi bir yılda Vietnam vergisi olarak ödenmesi gereken, ancak söz konusu vergilendirme yılının tamamı veya bir kısmı için Vietnam mevzuatının aşağıda yer alan hükümlerinden herhangi biri gereğince sağlanan muafiyet veya indirimler nedeniyle ödenmeyen tutarları kapsadığı kabul edilecektir:

(a) Bu Anlaşmanın imza tarihinde yürürlükte bulunmaları ve o tarihten bu yana değiştirilmemiş olmaları veya yapılan değişikliklerin yalnızca bunların genel karakterini etkilemeyen küçük değişiklikler olması kaydıyla ve her defasında, Vietnam yetkili makamının bu maddeler uyarınca Vietnam vergisine ilişkin olarak tanınan söz konusu muafiyet veya indirimlerin Vietnam'da sınai, ticari, bilimsel, eğitimsel veya başka bir gelişmeyi teşvik etmek için sağlandığını onaylaması ve Türkiye yetkili makamının bu muafiyet veya indirimlerin böyle bir amaç için sağlandığını kabul etmesi şartıyla; Kurumlar Vergisi Kanunu'nun (No. 14/2008/QH12) 15 inci maddesi ve Kurumlar Vergisi Kanunu'nun Birkaç Maddesinde Değişiklikler ve Eklemeler Yapılması Hakkındaki Kanun'un (No. 32/2013/QH13) 1 inci maddesinin 7, 8 ve 9 uncu fıkraları ve tadil edilmiş şekliyle bağlantılı düzenlemeler; veya

(b) Sonradan değiştirilmemesi veya yapılan değişikliklerin bu hükümlerin genel karakterini etkilemeyen yalnızca küçük değişiklikler olması ve bu fıkranın (a) bendinde belirtildiği şekilde her defasında onay ve kabule tabi olması koşuluyla; Akit Devletlerin yetkili makamlarının büyük ölçüde benzer nitelikte olduğunu kararlaştırdığı, Vietnam'da ekonomik kalkınmayı teşvik etmek amacıyla Vietnam vergisinden indirim veya muafiyet tanıyan ve sonradan getirilen diğer herhangi bir hüküm.

4. Bu maddenin 3 üncü fıkrası gereğince Türk vergisinden mahsup hakkı, bu Anlaşma'nın yürürlüğe girdiği tarihten başlayarak yalnızca 10 yıllık bir dönem için verilecektir. Bununla birlikte, hiçbir şekilde, bu mahsup hakkı 31.12.2025 tarihinden sonra verilmeyecektir.

MADDE 24

Ayrım Yapılmaması

1. Bir Akit Devletin vatandaşları, diğer Akit Devlette, bu diğer Devletin vatandaşlarının aynı koşullarda karşı karşıya kaldıkları veya kalabilecekleri vergilemeden ve buna bağlı mükellefiyetlerden değişik veya daha ağır bir vergilemeye ya da buna bağlı mükellefiyetlere tabi tutulmayacaklardır.

2. 10 uncu maddenin 5 inci fıkrası hükümleri saklı kalmak üzere, bir Akit Devlet teşebbüsünün diğer Akit Devlette sahip olduğu bir iş yeri, diğer Devlette, bu diğer Devletin aynı faaliyetleri yürüten teşebbüslerine göre daha az lehe bir vergileme ile karşı karşıya kalmayacaktır.

3. Bir Akit Devletin, diğer Akit Devletin bir veya birkaç mukimi tarafından, doğrudan veya dolaylı olarak, kısmen veya tamamen sermayesine sahip olunan veya kontrol edilen teşebbüsleri, ilk bahsedilen Akit Devlette, bu Devletin diğer benzeri teşebbüslerinin tabi oldukları veya olabilecekleri vergilemeden ve buna bağlı mükellefiyetlerden değişik veya daha ağır vergilemeye ya da buna bağlı mükellefiyetlere tabi tutulmayacaklardır.

4. Bu hükümler, bir Akit Devletin kendi mukimlerine şahsi veya ailevi durumları dolayısıyla uyguladığı şahsi indirimleri, vergi ve matrah indirimlerini diğer Akit Devletin mukimlerine de uygulamak zorunda olduğu yönünde anlaşılmayacaktır.

5. Bu maddenin 2 nci ve 3 üncü fıkralarının hükümleri Vietnam gelir havale vergisine ve tarımsal üretim faaliyetlerine ilişkin Vietnam vergisine uygulanmayacaktır.

6. Bu maddenin hükümleri, yalnızca bu Anlaşmanın konusuna giren vergilere uygulanacaktır.

MADDE 25

Karşılıklı Anlaşma Usulü

1. Bir kişi, Akit Devletlerin işlemlerinin kendisi için bu Anlaşma hükümlerine uygun düşmeyen bir vergileme yarattığı veya yaratacağı kanaatine vardığında, bu Devletlerin iç mevzuatlarında öngörülen müracaat usulleriyle bağlı kalmaksızın, durumu mukimi olduğu Akit Devletin yetkili makamına veya durumu 24 üncü maddenin 1 inci fıkrasına uygun düşerse, vatandaşı olduğu Akit Devletin yetkili makamına arz edebilir. Söz konusu müracaat, Anlaşma hükümlerine aykırı düşen bir vergilemeyle sonuçlanan işlemin ilk bildiriminden itibaren üç yıl içerisinde yapılmalıdır.

2. Söz konusu yetkili makam, itirazı haklı bulur ve kendisi tatminkar bir çözüme ulaşamaz ise, Anlaşmaya ters düşen vergilemeyi önlemek amacıyla, diğer Akit Devletin yetkili makamıyla karşılıklı anlaşma yoluyla konuyu çözmeye gayret sarf edecektir.

3. Akit Devletlerin yetkili makamları, Anlaşmanın yorumundan veya uygulanmasından kaynaklanan her türlü güçlüğü veya tereddüdü karşılıklı anlaşma yoluyla çözmek için gayret göstereceklerdir. Yetkili makamlar aynı zamanda, Anlaşmada ele alınmayan durumlardan kaynaklanan çifte vergilendirmenin ortadan kaldırılması için de birbirlerine danışabilirler.

4. Akit Devletlerin yetkili makamları, bundan önceki fıkralarda belirtilen hususlarda anlaşmaya varabilmek için birbirleriyle, kendilerinden veya temsilcilerinden oluşan ortak bir komisyon kanalı da dahil olmak üzere doğrudan haberleşebilirler.

MADDE 26

Bilgi Değişimi

1. Akit Devletlerin yetkili makamları, bu Anlaşma hükümlerinin uygulanmasıyla ilgili bilgileri veya Anlaşma ile uyumsuzluk göstermediği sürece Akit Devletler, politik alt bölümleri veya mahalli idareleri adına alınan her tür ve tanımdaki vergilerle ilgili iç mevzuat hükümlerinin idaresi veya uygulanması ile ilgili olduğu öngörülen bilgileri değişime tabi tutacaklardır. Bilgi değişimi 1 inci ve 2 nci maddelerle sınırlı değildir.

2. Bir Akit Devlet tarafından 1 inci fıkra kapsamında alınan her türlü bilgi, o Devletin kendi iç mevzuatı çerçevesinde elde ettiği bilgiler gibi gizli tutulacak ve yalnızca 1 inci fıkrada bahsedilen vergilerin tahakkuk veya tahsilleri veya cebri icra ya da kovuşturmasıyla veya bu hususlardaki itirazlara bakmakla görevli kişi veya makamlara (adli makamlar ve idari kuruluşlar dahil) veya bunları denetlemekle görevli olan kişilere verilebilecektir. Bu kişi veya makamlar söz konusu bilgileri yalnızca bu amaçlar doğrultusunda kullanacaklardır. Bu kişi veya makamlar, söz konusu bilgileri mahkeme duruşmalarında veya adli kararlar alınırken açıklayabilirler.

3. 1 inci ve 2 nci fıkra hükümleri hiçbir surette bir Akit Devleti:

   (a) kendisinin veya diğer Akit Devletin mevzuatına ve idari uygulamalarına aykırı idari önlemler alma;

   (b) kendisinin veya diğer Akit Devletin mevzuatı veya normal idari işlemleri çerçevesinde elde edilemeyen bilgileri sunma;

   (c) herhangi bir ticari, sınai, mesleki sırrı veya ticari işlemi aleni hale getiren bilgileri veya aleniyeti kamu düzenine (*ordre public*) aykırı düşen bilgileri verme yükümlülüğü altına sokacak şekilde yorumlanamaz.

4. Bir Akit Devlet tarafından bu madde uyarınca bilgi talep edilmesi durumunda, diğer Akit Devlet, kendi vergi amaçları yönünden bu bilgilere ihtiyacı olmasa bile, talep edilen bilgiyi sağlamak için kendi bilgi toplama yöntemlerini kullanacaktır. Önceki cümlede yer alan yükümlülük, 3 üncü fıkradaki sınırlamalara tabi olmakla birlikte, bu sınırlamalar hiçbir surette bir Akit Devlete, sadece ulusal menfaati

olmadığı gerekçesiyle bilgi sağlamayı reddetme hakkı verecek şekilde yorumlanmayacaktır.

5. 3 üncü fıkra hükümleri hiçbir surette bir Akit Devlete, bilginin bir banka, diğer finansal kurum, temsilci veya bir acente ya da yediemin gibi hareket eden bir kişide bulunması veya bir kişinin sermaye payları ile ilgili olması nedeniyle bu bilgiyi sağlamayı reddetme hakkı verecek şekilde yorumlanmayacaktır.

MADDE 27

Vergilerin Tahsilatında Yardımlaşma

1. Akit Devletler, alacaklarının tahsilatında birbirlerine yardım edeceklerdir. Bu yardım 1 inci ve 2 nci maddelerle sınırlı değildir. Akit Devletlerin yetkili makamları, bu maddenin uygulama biçimini karşılıklı anlaşma yoluyla belirleyebilirler.

2. Bu maddede kullanılan "alacak" terimi, bu Anlaşmaya veya Akit Devletlerin taraf olduğu diğer herhangi bir hukuki belgeye aykırı olmadığı sürece, Akit Devletler, politik alt bölümleri ya da mahalli idareleri adına alınan her tür ve tanımdaki vergiler dolayısıyla borçlanılan bir tutarı, bunun yanı sıra faiz, idari cezalar ve bu tutara ilişkin tahsilat veya koruma masraflarını ifade eder.

3. Bir Akit Devletin alacağının, bu Devletin mevzuatı uyarınca icra yoluyla istenebildiği ve borçlunun, o esnada bu Devletin mevzuatı uyarınca alacağın tahsilatını engelleyemediği durumda, söz konusu alacak, bu Devletin yetkili makamının talebi üzerine diğer Akit Devletin yetkili makamınca tahsil edilmek amacıyla kabul edilecektir. Bu alacak, bu diğer Devlet tarafından, kendi alacağıymış gibi, kendi vergilerinin icrası ve tahsilatına uyguladığı mevzuat hükümlerine göre tahsil edilecektir.

4. Bir Akit Devlet alacağının, bu Devletin kendi mevzuatı uyarınca tahsilatını sağlamak için koruma tedbirleri alabileceği bir alacak olması durumunda, söz konusu alacak, bu Devletin yetkili makamının talebi üzerine, koruma önlemleri almak amacıyla diğer Akit Devletin yetkili makamınca kabul edilecektir. Bu diğer Devlet, bu tür tedbirlerin uygulandığı sırada, alacağın ilk bahsedilen Devlette icra yoluyla alınamayacak olduğu veya borçlunun tahsilatı önleme hakkının bulunduğu durumlarda bile, kendi mevzuatı hükümleri uyarınca, bu alacak kendi alacağıymış gibi koruma tedbirleri alacaktır.

5. 3 üncü ve 4 üncü fıkra hükümlerine bakılmaksızın, 3 üncü veya 4 üncü fıkranın amaçları yönünden bir Akit Devlet tarafından kabul edilen bir alacak, bu Devlette zaman aşımına tabi olmayacak veya niteliği gereği, bu Devletin mevzuatı uyarınca bir alacağa tanınan herhangi bir öncelik, bu alacağa tanınmayacaktır. Bunun yanı sıra, 3 üncü veya 4 üncü fıkranın amaçları bakımından, bir Akit Devlet tarafından kabul edilen bir alacak, bu Devlette, diğer Akit Devletin mevzuatı uyarınca bu alacağa tanınan herhangi bir önceliğe sahip olmayacaktır.

6. Bir Akit Devlet alacağının varlığı, geçerliliği veya tutarıyla ilgili davalar, diğer Akit Devletin mahkemeleri veya idari kuruluşlarına getirilemez.

7. Bir Akit Devletin, 3 üncü veya 4 üncü fıkra uyarınca bir talepte bulunmasından sonra ve diğer Akit Devletin alacağı tahsil ederek ilk bahsedilen Devlete göndermesinden önceki herhangi bir zamanda, ilgili alacağın,

   (a) 3 üncü fıkraya göre talepte bulunulması durumunda, ilk bahsedilen Devletin alacağının, bu Devletin mevzuatı uyarınca icra yoluyla istenebilen ve borçlusunun o esnada bu Devletin mevzuatı uyarınca tahsilatını engelleyemediği, veya

   (b) 4 üncü fıkraya göre talepte bulunulması durumunda, ilk bahsedilen Devletin alacağının, alacağın tahsilatını sağlamak amacıyla kendi mevzuatı uyarınca koruma tedbirleri alabileceği

   bir alacak olmaktan çıkması durumunda, ilk bahsedilen Devletin yetkili makamı, diğer Devletin yetkili makamını derhal durumdan haberdar edecek ve ilk bahsedilen Devlet, diğer Devletin tercihi doğrultusunda talebini ya askıya alacak ya da geri çekecektir.

8. Bu madde hükümleri hiçbir şekilde bir Akit Devleti:

   (a) kendisinin veya diğer Akit Devletin mevzuatına ve idari uygulamalarına aykırı idari önlemler alma;

   (b) kamu düzenine (*ordre public*) aykırı önlemler alma;

   (c) diğer Akit Devletin, olayına göre, kendi mevzuatı ve idari uygulamaları gereğince tahsilat ve korumaya ilişkin gerekli tüm önlemleri almaması durumunda yardım sağlama;

   (d) bu Devletin idari külfetinin, diğer Akit Devletin elde edeceği faydadan açık bir şekilde fazla olduğu durumlarda yardım sağlama yükümlülüğü altına sokacak şekilde yorumlanmayacaktır.

MADDE 28

Diplomatik Temsilciler ve Konsolosluk Memurları

Bu Anlaşma hükümleri, diplomatik temsilciler veya konsolosluk memurlarının uluslararası hukukun genel kuralları veya özel anlaşma hükümleri uyarınca yararlandıkları mali ayrıcalıkları etkilemeyecektir.

MADDE 29

Yürürlüğe Girme

1. Her bir Akit Devlet, bu Anlaşmanın yürürlüğe girmesi için kendi mevzuatında öngörülen işlemlerin tamamlandığını diğer Akit Devlete bildirecektir. Bu Anlaşma, bu bildirimlerden sonuncusunun yapıldığı tarihte yürürlüğe girecektir.

2. Bu Anlaşmanın hükümleri:

   (a) Vietnam'da:

      (i) kaynakta tevkif edilen vergiler bakımından, Anlaşmanın yürürlüğe girdiği yılı izleyen takvim yılının Ocak ayının birinci gününde veya daha sonra ödenen vergilendirilebilir miktarlar için;

      (ii) diğer Vietnam vergileri bakımından, Anlaşmanın yürürlüğe girdiği yılı izleyen takvim yılının Ocak ayının birinci gününde veya daha sonra doğan gelir, kazanç veya iratlar için;

   (b) Türkiye'de:

      Anlaşmanın yürürlüğe girdiği yılı izleyen yılın Ocak ayının birinci günü veya daha sonra başlayan her vergilendirme dönemine ilişkin vergiler için;

   hüküm ifade edecektir.

MADDE 30

Yürürlükten Kalkma

Bu Anlaşma, bir Akit Devlet tarafından feshedilinceye kadar yürürlükte kalacaktır. Akit Devletlerden her biri, Anlaşmanın yürürlüğe girdiği tarihten itibaren beş yıllık bir sürenin bitiminden sonra başlayan herhangi bir takvim yılının bitiminden en az altı ay önce diplomatik yollardan fesih ihbarnamesi vermek suretiyle Anlaşmayı feshedebilir. Bu durumda Anlaşma:

(a) Vietnam'da:

(i) kaynakta tevkif edilen vergiler bakımından, fesih ihbarnamesinin verildiği yılı izleyen takvim yılının Ocak ayının birinci gününde veya daha sonra ödenen vergilendirilebilir miktarlar için;

(ii) diğer Vietnam vergileri bakımından, fesih ihbarnamesinin verildiği yılı izleyen takvim yılının Ocak ayının birinci gününde veya daha sonra doğan gelir, kazanç veya iratlar için;

(b) Türkiye'de:

Fesih ihbarnamesinin verildiği yılı izleyen takvim yılının Ocak ayının birinci günü veya daha sonra başlayan her vergilendirme dönemine ilişkin vergiler için;

hüküm ifade etmeyecektir.

BU HUSUSLARI TEYİDEN, aşağıda imzaları bulunan kendi Hükümetleri tarafından tam yetkilendirilmiş temsilciler, bu Anlaşmayı imzaladılar.

Vietnamca, Türkçe ve İngilizce dillerinde, ikişer nüsha halinde, tüm metinler aynı derecede geçerli olmak üzere, 8 Temmuz tarihinde, Ankara'da düzenlenmiştir. Metinler arasında farklılık olması halinde İngilizce metin geçerli olacaktır.

VİETNAM SOSYALİST CUMHURİYETİ HÜKÜMETİ ADINA

Do Hoang Anh Tuan
Maliye Bakan Yardımcısı

TÜRKİYE CUMHURİYETİ HÜKÜMETİ ADINA

Abdullah Erdem CANTİMUR
Maliye Bakan Yardımcısı

PROTOKOL

Vietnam Sosyalist Cumhuriyeti Hükümeti ile Türkiye Cumhuriyeti Hükümeti Arasında bugün sonuçlandırılan Gelir Üzerinden Alınan Vergilerde Çifte Vergilendirmeyi Önleme ve Vergi Kaçakçılığına Engel Olma Anlaşması'nın imzalanması sırasında, imzalayan taraflar aşağıdaki hükümlerin Anlaşmanın ayrılmaz bir parçasını oluşturacağı hususunda anlaşmışlardır.

5 inci maddenin 3 (a) fıkrası ile ilgili olarak:

Vietnam'ın, bu Anlaşmanın imzalandığı tarihten sonra bir ülke ile akdettiği diğer herhangi bir anlaşmada, bu Anlaşmanın 5 inci maddesinin (iş yeri) 3 (a) fıkrasına karşılık gelen ve bu fıkrada belirtilen süreden daha uzun bir süreyi içeren bir hükmü kabul etmesi durumunda, 5 inci maddenin 3 (a) fıkrasının amaçları bakımından, en uzun süre, söz konusu diğer anlaşma kapsamındaki en uzun sürenin yürürlüğe girdiği tarihten itibaren geçerli olmak üzere uygulanacaktır.

10 uncu maddenin 3 üncü fıkrası ile ilgili olarak:

Türkiye bakımından "temettüler" teriminin yatırım fonları ve yatırım ortaklıklarından elde edilen geliri de kapsadığı anlaşılmaktadır.

10 uncu madde ile ilgili olarak:

Vietnam, 23 Ekim 2009 tarihinden sonra Ekonomik İşbirliği ve Kalkınma Örgütü (OECD) üyesi bir ülkeyle temettülere daha düşük bir vergi oranı öngören (sıfır oran dahil) bir çifte vergilendirmeyi önleme anlaşması imzalarsa, Türkiye mukimlerine bu düşük oranlar uygulanacaktır.

BU HUSUSLARI TEYİDEN, aşağıda imzaları bulunan kendi Hükümetleri tarafından tam yetkilendirilmiş temsilciler, bu Protokolü imzaladılar.

Vietnamca, Türkçe ve İngilizce dillerinde, ikişer nüsha halinde, tüm metinler aynı derecede geçerli olmak üzere, 8 Temmuz 2014 tarihinde, Ankara'da düzenlenmiştir. Metinler arasında farklılık olması halinde İngilizce metin geçerli olacaktır.

VİETNAM SOSYALİST CUMHURİYETİ HÜKÜMETİ ADINA

Do Hoang Anh Tuan
Maliye Bakan Yardımcısı

TÜRKİYE CUMHURİYETİ HÜKÜMETİ ADINA

Abdullah Erdem CANTİMUR
Maliye Bakan Yardımcısı